UBND QUẬN NGÔ QUYỀN
TRƯỜNG THCS LẠC VIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 19 /KH-THCS LV

Máy Chai, ngày 01 tháng 9 năm 2024

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG
Năm học 2024-2025

I.CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Thông tư số 32/2018 /TT Bộ GD ĐT ngày 26/12/2018 Thông tư Ban hành Chương trình giáo dục phổ thông; công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2021 của Bộ GD&ĐT V/v xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường; công văn số 2613/BGDĐT-GDTrH ngày 23/6/2021 của Bộ GD&ĐT V/v triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2021-2022;

Căn cứ Quyết định số 2826/QĐ-UBND ngày 9/8/2024 của UBND thành phố Hải Phòng về việc Ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2024 – 2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên thành phố Hải Phòng;

Thực hiện Hướng dẫn số 2474/ SGD ĐT-TrH ngày 16 tháng 8 năm 2024 V/v Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2024 -2025; Công văn số 146/ PGD ĐT- THCS ngày 23 tháng 8 năm 2024 V/v Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục THCS năm học 2024 -2025; Thông báo số 10/ TB- PGD ĐT-THCS ngày 26 tháng 8 năm 2024 Thông báo Lịch tổ chức các Hoạt động trọng tâm cấp THCS Năm học 2024 -2025.

Trường THCS Lạc Viên xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024 - 2025 như sau:

II.BỐI CẢNH VÀ ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Bối cảnh bên ngoài

1.1 Thời cơ

- Đảng và Nhà nước có chủ trương, chỉ đạo thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo (GDĐT) thông qua Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

- Chương trình (CT) giáo dục phổ thông (GDPT) 2018 là chương trình mở, tăng tính chủ động cho nhà trường.

- Sự phát triển mạnh mẽ công nghệ thông tin (CNTT) 4.0 và sự tuyên truyền của các cấp và nhà trường nên xã hội và phụ huynh học sinh (PHHS) nắm bắt được những lộ trình và các điều kiện cần có để đáp ứng thực hiện đổi mới CT GDPT.

- Nghị quyết số 06-NQ/QU, ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Ban Thường vụ Quận Ngô Quyền về "Phát triển giáo dục và đào tạo Quận Ngô Quyền giai đoạn

2023 - 2030, định hướng đến năm 2045"; Kế hoạch số 243/ KH- UBND ngày 16/11/2023 của UBND quận Ngô Quyền thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/QU, ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Ban Thường vụ Quận Ngô Quyền về "Phát triển giáo dục và đào tạo Quận Ngô Quyền giai đoạn 2023 - 2030, định hướng đến năm 2045"; Kế hoạch số 29/ KH- UBND ngày 6/02/2024 của UBND quận Ngô Quyền Triển khai Nghị quyết số 06-NQ/QU, ngày 15/ 11/ 2023 của Ban Thường vụ Quận uỷ và Kế hoạch số 243/ KH- UBND ngày 16/11/2023 của UBND quận thực hiện Nghị quyết số 06- NQ/QU về "Phát triển giáo dục và đào tạo Quận Ngô Quyền giai đoạn 2023 - 2030, định hướng đến năm 2045" trong năm 2024; Quyết định 357/ QĐ- UBND ngày 21/3/2024 Ban hành Quy định tạm thời tiêu chí " Trường tiên tiến, chất lượng cao" tại quận Ngô Quyền.

- Nhà trường nhận được sự quan tâm, lãnh chỉ đạo kịp thời của các cấp lãnh đạo: Sở GD&ĐT Hải Phòng, Quận ủy, HĐND, UBND quận Ngô Quyền, Phòng GD&ĐT và các phòng, ban của quận Ngô Quyền; Đảng ủy, HĐND, UBND phường Máy Chai, Máy Tơ, Lạc Viên.

+ Nghị quyết số 05/ NQ- HĐND ngày 8 tháng 4 năm 2024 Về Quyết định chủ trương đầu tư dự án Xây dựng nhà lớp học, khu hiệu bộ, nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ trường THCS Lạc Viên.

+ Quyết định 1544/ QĐ- UBND ngày 16/7/2024 về việc phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng trường THCS Lạc Viên.

- Phụ huynh học sinh nhiệt tình, trách nhiệm, phối hợp tích cực trong các hoạt động giáo dục của nhà trường.

1.2 Thách thức

- Trường nằm trên địa bàn phường Máy Chai đang trong thời gian thực hiện nhiều dự án nhà ở xã hội, dự án tái định cư; nhiều khu nhà ở bị di dời, nhiều nhà máy, xí nghiệp, kho bãi, bến tàu cũ không còn hoạt động hoặc hoạt động cầm chừng,...Dân cư chủ yếu là công nhân, lao động nghèo, thu nhập không đồng đều, không ổn định; nhiều học sinh có hoàn cảnh đặc biệt, nhiều học sinh diện khuyết tật... nên ảnh hưởng không nhỏ đến tâm lí cũng như điều kiện phụ huynh quan tâm đến việc học tập của con cái; sự phối kết hợp giữa nhà trường với gia đình thiếu thường xuyên.

- Giai đoạn 2024 -2026, trường được đầu tư xây dựng và quy hoạch tổng thể với hơn 1200m2 đất mở rộng sang khu vực Nhà ở xã hội Tổng Kho 3 Lạc Viên, 3 dãy nhà 4 tầng và nhà Đa năng được xây mới,...sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới việc dạy và học chính khoá, học Bồi dưỡng, sinh hoạt các CLB, học ĐT HSG cùng như các HĐGD khác.

- Sau khi dự án Tổng kho 3 Lạc Viên hoàn thành, đưa vào sử dụng sẽ thu hút rất động các hộ dân về sinh sống, nhà trường sẽ tiếp nhận 1 số lượng HS ở khu vực trên vào học tại trường sẽ nếu chất lượng và dịch vụ giáo dục của nhà trường đảm bảo thu hút.

- Trường nằm trong khu vực gần với địa bàn của một số trường THCS có chất lượng cao trong quận (THCS Chu Văn An, Đà Nẵng) và quận khác (THCS

Trần Phú, THCS Ngô Quyền, THCS Hồng Bàng).

2. Bối cảnh bên trong

2.1 Điểm mạnh

Trường được công nhận là "Trường học đạt KĐCL mức độ 3" theo Quyết định số 1045/QĐ-SGDĐT-KTKĐ ngày 23/8/2019 của giám đốc Sở GD&ĐT Hải Phòng và Bằng công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 2 theo Quyết định số 1963/QĐ- UBND ngày 22/8/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố Hải Phòng.

- Đội ngũ cán bộ quản lý nhà trường nhiệt tình, trách nhiệm, năng động.

- Cán bộ quản lý nhà trường công tác lâu năm có nhiều kinh nghiệm, biết tranh thủ sự chỉ đạo sát sao của lãnh đạo các cấp và tập hợp được các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường, tạo lập được sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng.

- Phần lớn HS ngoan, có ý thức nề nếp kỉ luật; tích cực tham gia các hoạt động, phong trào. Công tác Đội và phong trào thiếu nhi nhiều năm dẫn đầu thành phố.

- Các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường có tinh thần trách nhiệm; công tác phối hợp tốt.

- Cơ cấu cơ bản đảm bảo, trình độ đội ngũ đạt chuẩn và trên chuẩn. Cụ thể:

* CBQL: 03 (nữ: 02)

+ Trình độ chuyên môn: (Thạc sĩ: 2; ĐH: 01/ Đang học thạc sĩ)

+ Trình độ quản lý, LLCT: (Thạc sĩ QLGD hoặc tương đương:0; Chứng chỉ QLGD: 03; TCLLCT: 03)

+ Ngoại ngữ, tin học: 3/3 Tin học UDCNTTCB; Ngoại ngữ: 2/3 trình độ ĐH, 01 CC

* Giáo viên: Tổng số: 63. Biên chế: 61, HĐ NĐ 111: 02 (nữ: 56= 88.8%).

+Trình độ chuyên môn: (Đại học: 63. Thạc sĩ: 11/63 đạt 17,4%; Đang học thạc sĩ: 01)

+ Trung cấp LLCT: 05

+ CNTT Cơ bản: 63/63 đạt tỉ lệ: 100%. CNTT Nâng cao: 5 (Đại học) đạt tỉ lệ: 7.9%

+ Trình độ Ngoại ngữ GV (theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT)

Khung NLNNVN		Tương ứng CEFR	Số người/Tổng số	Tỉ lệ %
Sơ cấp	Bậc 1	A1	0/0	0
	Bậc 2	A2	46/63	73.4
Trung cấp	Bậc 3	B1	7/63	10,9
	Bậc 4	B2	5/63	7.8
Cao cấp	Bậc 5	C1	0/0	
	Bậc 6	C2	5/63	7.9

+ Cơ cấu giáo viên: Giáo viên Toán: 16; Ngữ văn: 14 (01 HĐ NĐ 111, 01 GV Ngữ văn nghỉ hưu ngày 01/12/2024); Tiếng Anh: 8 (01 HĐ NĐ 111, 01 GV nghỉ hưu ngày 01/10/2024); Lý: 02; Hóa: 02; Sinh: 02; Sử: 02; Địa: 03; GDCD: 02; Mỹ thuật: 02; Âm nhạc: 02; Thể dục: 03; Công nghệ: 02; Tin: 02; TPT: 01

2.2 Điểm yếu

- Công tác nhân sự, đội ngũ: Hiện trường còn thiếu giáo viên nhân viên so với quy định nên việc phân công và thực hiện nhiệm vụ năm học 2024 -2025 còn gặp khó khăn. Thiếu môn Tiếng Anh, Ngữ văn, Hoá – Sinh/ KHTN, Công nghệ, Văn thư/ Giáo vụ, TBTN. Số lượng cụ thể từng môn:

+ 02 Gv Ngữ văn (01/12/2024: 01 GV Ngữ văn nghỉ hưu, 01 GV Ngữ văn nghỉ thai sản)

+ 01 GV Tiếng Anh (01/10/2024 01 GV Tiếng Anh nghỉ hưu)

+ 01 GV Hoá – Sinh/ KHTN (01/9/2024: 01 GV Lý- Hoá nghỉ thai sản)

+ 01 GV dạy Công nghệ (Tổ KHTN chỉ có 03 đ/c được đào tạo chuyên môn Toán- Công nghệ, cả 3 đ/c thời gian công tác còn dưới 5 năm);

+ 01 nhân viên văn thư/ Giáo vụ;

+ 01 nhân viên TBTN.

- Tay nghề và chất lượng chuyên môn ở một số giáo viên, một số bộ môn chưa đồng đều (một số GV lớn tuổi gặp khó khăn trong đổi mới PPGD, ứng dụng CNTT và chuyển đổi số; một số GV trẻ thiếu kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn; bộ môn còn thiếu GVG, HSG: môn KHTN, Công nghệ, Tin học…)

- Một số giáo viên chậm thay đổi, chưa thích ứng kịp với chuyển đổi số trong Giáo dục Đào tạo;

- Cơ sở vật chất còn thiếu: Hệ thống các phòng học chưa đảm bảo thực hiện dạy 2 buổi/ ngày; Hệ thống các phòng chức năng nhỏ, nhà xe học sinh chật hẹp;

3. Định hướng xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường

Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu "đổi mới căn bản toàn diện" của ngành và yêu cầu của chương trình GDPT 2018; chủ đề năm học 2024 -2025 của ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố "Kỷ cương trách nhiệm, đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo"; tăng cường nền nếp, kỷ cương, dân chủ, đoàn kết trong nhà trường; xây dựng " Trường học tiên tiến, chất lượng cao"; tập trung nâng cao chất lượng giáo dục học sinh trong đó chú trọng chất lượng thi HSG, HS năng khiếu, thi vào lớp 10 THPT; quan tâm phát triển phẩm chất, năng lực người học; chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống và ý thức chấp hành pháp luật cho học sinh.

Hoàn thành các chỉ tiêu công tác do Sở GD&ĐT Hải Phòng, Phòng GD&ĐT Ngô Quyền đề ra; duy trì và nâng cao các tiêu chí của trường đạt chuẩn Quốc gia, "Trường tiên tiến, chất lượng cao".

3.1 Quy mô số lớp, số học sinh toàn trường năm học 2024 -2025

TT	Khối	Số lớp	Số HS	Bình quân HS/lớp	Ghi chú: (Ghi rõ số trẻ khuyết tật, hộ nghèo, cận nghèo, Đ chính sách)
1	Lớp 6	8	377	47	Khuyết tật: 01 có Hồ sơ HS diện khó khăn: 10
2	Lớp 7	9	444	49	Khuyết tật: 05 có Hồ sơ HS cận nghèo: 02. HS diện khó khăn: 13
3	Lớp 8	8	393	50	Khuyết tật: 05 có Hồ sơ HS diện khó khăn: 10
4	Lớp 9	8	338	43	Khuyết tật: 08, Cận nghèo: 01; hộ Khó khăn 13
Cộng:		**33**	**1552**	**47**	**Khuyết tât:19, Cận nghèo: 03, Khó khăn: 46**

3.2 Bố trí phòng học, phòng học bộ môn và các phòng chức năng

<table>
<tr><td colspan="10">NHÀ A</td><td>P Dụng cụ</td></tr>
<tr><td rowspan="2">WC HỌC SINH NỮ</td><td rowspan="2">WC HỌC SINH NỮ</td><td rowspan="4">Cầu thang thoát hiểm</td><td>PHÒNG 16
7B8-8C8</td><td>PHÒNG 15
7B7-8C7</td><td rowspan="4">Cầu thang</td><td>PHÒNG 14
7B6- 8C6</td><td>PHÒNG 13
7B5- 8C5</td><td>WC HỌC SINH Nam, Nữ</td><td rowspan="3">Sân Tiểu cảnh</td><td>KHO
P Thay đồ nữ
P. thay đồ nam
P Dụng cụ</td></tr>
<tr><td>PHÒNG 12
7B4- 6A8</td><td>PHÒNG 11
7B3- 8C3</td><td>PHÒNG 10
7B2- 8C2</td><td>PHÒNG 9
7B1- 8C1</td><td>WC HỌC SINH Nam, Nữ</td><td rowspan="2">NHÀ ĐA NĂNG</td></tr>
<tr><td rowspan="2">WC HỌC SINH NAM</td><td rowspan="2">WC HỌC SINH NAM</td><td>PHÒNG 8
9D8- 6A8</td><td>PHÒNG 7
9D7- 6A7</td><td>PHÒNG 6
9D6- 6A6</td><td>PHÒNG 5
9D5- 6A5</td><td>WC GIÁO VIÊN Nam, Nữ</td></tr>
<tr><td>PHÒNG 4
9D4- 6A4</td><td>PHÒNG 3
9D3- 6A3</td><td>PHÒNG 2
9D2- 6A2</td><td>PHÒNG 1
9D1- 6A1</td><td>WC GIÁO VIÊN Nam, Nữ</td><td>P. STEM</td><td>PHÒNG TRUYỀN THÔNG-CÔNG ĐOÀN</td></tr>
<tr><td>P Mỹ Thuật</td><td>P THIẾT BỊ và đồ dùng học tập</td><td colspan="6" rowspan="2">SÂN KHẤU</td><td>PHÒNG TÀI VỤ</td><td rowspan="2">HỘI TRƯỜNG</td></tr>
<tr><td>P Âm Nhạc</td><td>P THƯ VIỆN</td><td>BAN GIÁM HIỆU</td></tr>
<tr><td colspan="2">CẦU THANG</td><td colspan="3">NHÀ C</td><td colspan="3">NHÀ B</td><td colspan="2">CẦU THANG</td></tr>
</table>

<table>
<tr><td rowspan="2">P Công Nghệ</td><td rowspan="2">P Hóa học</td><td colspan="3" rowspan="2"></td><td>P Hội đồng</td><td>P Tin LT</td></tr>
<tr><td>Phòng lớp 7B9</td><td>P TIN TH</td></tr>
<tr><td rowspan="2">P Vật Lý</td><td rowspan="2">P Sinh học</td><td rowspan="2"></td><td rowspan="2">P Bảo vệ</td><td rowspan="2">P Tiếp dân</td><td rowspan="2"></td><td>P ĐOÀN ĐỘI</td><td rowspan="2">P Ngoại ngữ</td></tr>
<tr><td>Nhà xe học sinh</td><td colspan="2">CỔNG TRƯỜNG</td><td>Nhà xe HS + GV</td><td>P Y TẾ</td></tr>
</table>

- Khối phòng hành chính, quản trị: 07 phòng

+ Phòng HT: 01, Phó HT:02, Phòng Hội đồng: 01

+ Phòng bảo vệ: 01

+ Khu vệ sinh GV,CB,NV: 02 phòng riêng biệt, diện tích 30m2/1 phòng

+ Khu để xe:GV,CB,NV: 100m2.

-Khối phòng học tập: 27 phòng

+ Tổng số phòng học: 17 đảm bảo 02 lớp /1 phòng

+ Phòng bộ môn: 10 phòng, Gồm các phòng Âm nhạc, Mỹ thuật, Lý, Công nghệ, Hóa, Sinh, Tin học TH, Tin học LT, Ngoại ngữ, Nhà đa năng.

-Khối phòng hỗ trợ học tập: 04 phòng gồm Thư viện, TBGD, Phòng Đoàn Đội- Tư vấn TLHĐ, Phòng truyền thống

- Khối phụ trợ: 15 phòng gồm Phòng Hội trường, Phòng y tế, 02 Nhà kho, Khu để xe HS: 120m2, Khu vệ sinh HS: 6 phòng khu nhà A và khu vệ dinh 04 phòng tiếp giáp khu nhà C với nhà A..

- Khu sân chơi, TDTT: 1000m2

- Tháng 12/2024 phá dỡ nhà B,C; Triển khai Nghị quyết số 05/ NQ- HĐND ngày 8 tháng 4 năm 2024 Về Quyết định chủ trương đầu tư dự án Xây dựng nhà lớp học, khu hiệu bộ, nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ trường THCS Lạc Viên và QĐ 1544/ QĐ- UBND ngày 16/7/2024 về việc phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng trường THCS Lạc Viên. BGH nhà trường chuẩn bị các phương án sắp xếp CSVC, phòng học, phòng chức năng, khu hiệu bộ để phá dỡ, phục vụ thi công công trình; Bố trí 16 phòng học Khu A 4 tầng đảm bảo 32 lớp học: HS khối 6,8 học buổi chiều, HS khối 7,9 học buổi sáng. Hoạt động BD HSG, học thêm trong nhà trường học ca từ 17h30 đến 19h30 (*Có KH và Tờ trình Báo cáo PGD ĐT quận*). Dự kiến thuê, mượn địa điểm tổ chức HĐ dạy thêm học trong năm học 2024 -2025 và 2025 -2026.

3.3 Định hướng thực hiện chương trình dạy học

Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 (Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT 2018);

3.4. Định hướng tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp:

- Dạy 03 tiết HĐTN-HN vào TKB;

- Hình thức tổ chức dạy học: Dạy học trên lớp, dạy học trải nghiệm.

- Mỗi tháng triển khai 01 hoạt động dưới cờ theo chủ đề/ 01 khối lớp;

- Phân công giáo viên giảng dạy ở 1 số chủ đề phù hợp với năng lực chuyên môn và thực tế nhà trường;

*Một số chủ đề hoạt động trải nghiệm thực tế với quy mô của khối dự kiến tổ chức như sau:

- Học sinh khối 6/377 HS: ***Em và lễ hội truyền thống quê hương*** (Chủ đề 6: Em với cộng đồng/4 tiết 69-72). Thời gian triển khai hoạt động dự kiến tháng 2/2025. Địa điểm: Khu tưởng niệm Vương triều Mạc, xã Ngũ Đoan, huyện Kiến Thuỵ, Hải Phòng.

- Học sinh khối 7/ 443 HS: ***Tự hào truyền thống quê hương*** (Chủ đề 6: Em với cộng đồng/ 4 tiết 66-69). Thời gian triển khai hoạt động dự kiến tháng 2/2025. Địa điểm: Khu di tích Tràng Kênh, bãi cọc Cao Quỳ, huyện Thuỷ Nguyên, hải Phòng.

- Học sinh khối 8/ 393 HS: ***Vì Hải Phòng xanh*** (Chủ đề 7: Em với thiên nhiên và môi trường /4 tiết 70-74). Thời gian triển khai hoạt động dự kiến tháng 02/2025. Địa điểm: Khu tưởng niệm Lãnh tụ Nguyễn Đức Cảnh và Nhà Máy nước An Dương

- Học sinh khối 9/ 338 HS: ***Em với thiên nhiên và môi trường "hải Phòng tự hào mảnh đất quê hương em"***. Chủ đề 7: Em với thiên nhiên và môi trường /4 tiết 72-75. Thời gian triển khai hoạt động dự kiến tháng 2, 3/2024. Địa điểm: Đền thờ Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm, làng nghề Rối nước Nhân hoà, Vĩnh Bảo, Hải Phòng

* Đối với môn KHTN: Trải nghiệm tại Viện nghiên cứu Hải Sản

- Học sinh khối 6: ***Tuần 23***

- Học sinh khối 7: ***Tuần 30***

- Học sinh khối 8: ***Tuần 33***

3.5 Định hướng thực hiện nội dung giảng dạy giáo dục địa phương cho học sinh

Tổ chức dạy học chương trình giáo dục địa phương 1 tiết/tuần.

Hình thức tổ chức dạy học: Dạy học trên lớp, dạy học trải nghiệm.

Nội dung: Dạy những vấn đề cơ bản về văn hóa, lịch sử, địa lý, kinh tế, xã hội, môi trường của địa phương theo 8 chủ đề.

Giáo viên giảng dạy: Phân công GV dạy theo chủ đề. Phân công GV đánh giá trên CSDL ngành GD ĐT Hải Phòng và Học bạ học sinh.

Tài liệu dạy học: Sử dụng tài liệu của Sở GD&ĐT Hải Phòng biên soạn.

3.6 Định hướng dạy môn Tin học, KHTN, Lịch sử và Địa lý, Nghệ thuật.

*** Đối với môn Tin học**

- Lớp 6,8 dạy 1 tiết/ tuần;

- lớp 7,9 bố trí dạy 2 tiết/ 1 tuần. Cụ thể:

Lớp	KHI/18 tuần		HKII/17 tuần	
	Tuần 1 đến 9	Tuần 10 đến 18	Tuần 19 đến 26	Tuần 26 đến 35
Lớp 9	Dạy 2 tiết/1 tuần		Dạy 2 tiết/ 1 tuần	
Lớp 7		Dạy 2 tiết/ 1 tuần		Dạy 2 tiết/ 1 tuần

*** Đối với môn KHTN:**

- Dạy theo mạch kiến thức và các chủ đề thể hiện trong Phân phối chương trình bộ môn từ lớp 6 đến lớp 9; Nội dung kiểm tra Giữa HK và cuối HK theo những nội dung chủ đề và các mạch kiến thức đã được học tại thời điểm kiểm tra;

- Lớp 6,7: phân công 1 GV dạy/1 lớp;

- Lớp 8,9: phân công giáo viên giảng dạy theo chủ đề và giáo viên chịu trách nhiệm vào điểm trên CSDL, Học bạ học sinh (*có Quyết định và phân công riêng*)

Lớp/ Tuần	Tuần 1 đến 12	Tuần 13 đến 24	Tuần 25 đến 35
Lớp 9	Chủ đề: Vật lý	Chủ đề: Hoá học	Chủ đề: Sinh học
Lớp 8	Chủ đề: Hoá học	Chủ đề: Vật lý	Chủ đề: Sinh học

*** Đối với môn Lịch sử và Địa lý**

Lớp	Môn	KHI/18 tuần				HKII/17 tuần			
		1-4	5-8	9-13	14-18	19-22	23-27	28-31	32-35
6	LS	2 tiết	1 tiết	2 tiết	1 tiết	2 tiết	1 tiết	2 tiết	1 tiết
	ĐL	1 tiết	2 tiết	1 tiết	2 tiết	1 tiết	2 tiết	1 tiết	2 tiết
7	LS	1 tiết	2 tiết	1 tiết	2 tiết	1 tiết	2 tiết	1 tiết	2 tiết
	ĐL	2 tiết	1 tiết	2 tiết	1 tiết	2 tiết	1 tiết	2 tiết	1 tiết
8	LS	1 tiết	2 tiết	1 tiết	2 tiết	1 tiết	2 tiết	1 tiết	2 tiết
	ĐL	2 tiết	1 tiết	2 tiết	1 tiết	2 tiết	1 tiết	2 tiết	1 tiết
9	LS	2 tiết	1 tiết	1 tiết	2 tiết	2 tiết	1 tiết	1 tiết	2 tiết
	ĐL	1 tiết	2 tiết	2 tiết	1 tiết	1 tiết	2 tiết	2 tiết	1 tiết

3.7 Định hướng dạy học tự chọn

- Triển khai dạy học tự chọn Ngoại ngữ 2 Tiếng Hàn Quốc cho học sinh lớp 6 từ năm học 2024 -2025.

- Số lớp tham gia học: 2 lớp 6A3 và 6A4 tổng số HS 98 HS.

3.8 Kiểm tra đánh giá

a. Căn cứ đánh giá:

Thực hiện theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 Quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.

b.Hình thức đánh giá đối với các môn học

- Đánh giá bằng nhận xét đối với các môn học: Giáo dục thể chất, Nghệ thuật, Âm nhạc, Mĩ thuật, Nội dung giáo dục của địa phương, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; kết quả học tập theo môn học được đánh giá bằng nhận xét theo 01 (một) trong 02 (hai) mức: Đạt, Chưa đạt.

- Đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số đối với các môn học trong Chương trình giáo dục phổ thông, trừ các môn học quy định tại điểm a khoản này; kết quả học tập theo môn học được đánh giá bằng điểm số theo thang điểm 10, nếu sử dụng thang điểm khác thì phải quy đổi về thang điểm 10. Điểm đánh giá là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.

c. Kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ:

- Đối với các môn học: Toán, KHTN, Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử và Địa Lý, GDCD, Công nghệ thực hiện kiểm tra chung: chung thời gian, chung đề, theo KH riêng của nhà trường.

- Đối với các môn:GDTC, Nghệ thuật, Tin học, HĐTNHN, GDĐP: GV giảng dạy kiểm tra theo phân phối chương trình và Kế hoạch kiểm tra đánh giá năm học 2024 -2025 đã được phê duyệt và tiến độ chương trình thực hiện.

d. Đối với 1 số môn học HĐGD

- Môn Lịch sử và Địa lý: gồm 2 phân môn Lịch sử, Địa lý, mỗi phân môn chọn 02 điểm KT, đánh giá thường xuyên trong 1 HK; Bài KT đánh giá định kỳ gồm nội dung của 2 phân môn theo tỷ lệ tương đương về nội dung dạy học của 2 phân môn tính đến thời điểm kiểm tra, đánh giá.

- Môn KHTN: Nội dung kiểm tra Giữa HK và cuối HK theo những nội dung chủ đề và các mạch kiến thức đã được học tại thời điểm kiểm tra;

- Môn Nghệ thuật: gồm 2 nội dung Âm nhạc, Mỹ thuật, mỗi ND chọn 1 kết quả kiểm tra, đánh giá thường xuyên trong 01 HK; khuyến khích thực hiện KT đánh giá định kỳ thông qua bài thực hành, dự án học tập. Bài KT đánh giá định kỳ bao gồm 02 nội dung Âm nhạc, Mỹ thuật được thực hiện riêng theo từng nội dung tương tự như môn học đánh giá bằng nhận xét; Kết quả bài kiểm tra đánh giá định kỳ được đánh giá mức Đạt khi cả 2 nội dung Âm nhạc, mỹ thuật được đánh giá Mức Đạt.

- Đối với HĐTN,HN; Nôi dung giáo dục địa phương: GV được phân công dạy học nội dung nào thực hiện KT đánh giá thường xuyên với nội dung đó; khuyến khích thực hiện việc KTĐG định kỳ thông qua bài thực hành, dự án học tập. Đối với HĐTN,HN Giáo viên chủ nhiệm quyết định việc chọn 02 kết quả KTĐG thường xuyên trong mỗi HK và tổ chức thực hiện việc KTĐG theo quy định.

III. MỤC TIÊU GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG

1.Mục tiêu chung

1.Sau khi học xong cấp THCS học sinh có đủ phẩm chất và năng lực quy định tại chương trình giáo dục bậc học, học sinh biết điều chỉnh bản thân theo các chuẩn mực chung của xã hội, biết vận dụng phương pháp học tập tích cực để hoàn chỉnh tri thức và kỹ năng nền tảng, có hiểu biết ban đầu về các ngành nghề và có ý thức hướng nghiệp để tiếp tục học lên trung học phổ thông, học nghề hoặc tham gia vào cuộc sống lao động.

2. Nhà trường đảm bảo an ninh, an toàn, không để xảy ra dịch bệnh, tai nạn thương tích, không có học sinh mắc tệ nạn. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện học sinh, chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục thể chất, ý thức, trách nhiệm của công dân đối với xã hội, cộng đồng. Nâng cao kết quả thi HSG học sinh năng khiếu, thi vào lớp 10 THPT và THPT chuyên Trần Phú; kết quả học tập bộ môn Tiếng Anh bậc THCS.

3. Nâng cao chất lượng đội ngũ CB, GV,NV;Thực hiện nghiêm túc các quy định về quy chế chuyên môn; thực hiện quản lý hồ sơ chuyên môn trên CSDL và nền tảng số OLM; không có cán bộ, giáo viên,nhân viên vi phạm đạo đức nhà giáo, vi phạm các qui định của pháp luật; vi phạm qui định về dạy thêm, học thêm, quản lý các nguồn thu, chi; nhà trường ổn định, đoàn kết, không có đơn thư khiếu kiện;

4. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch năm học sáng tạo, đổi mới, linh hoạt, chủ động thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành đối với lớp 9; triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018, chú trong lớp 9 hoàn thành chương trình THCS và lớp 6 đầu vào.

5.Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của người học; thực hiện hiệu quả các phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực; tích hợp, lồng ghép, tinh giản nội dung dạy học trong chương trình giáo dục phổ thông hiện hành; tổ chức các hoạt động, mô hình giáo dục sáng tạo, đẩy mạnh hoạt động học sinh nghiên cứu khoa học, giáo dục STEM, CLB STEM và hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp trong nhà trường; Đổi mới nội dung, phương thức giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông

6. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và nâng cao chất lượng giáo dục trung học; Phấn đấu đến năm 2025 xây dựng 02 phòng học thông minh, 2 phòng học STEM, thực hiện giai đoạn I "Trường học tiên tiến, chất lượng cao". Nhà trường được công nhận là "Trường học đạt KĐCL mức độ 4" Bằng công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 2, "Trường tiên tiến, chất lượng cao" giai đoạn 2025 -2030; Thực hiện chuyển đổi số mức độ nâng cao theo Bộ tiêu chí của Bộ GD ĐT; Xây dựng mục tiêu, các giải pháp duy trì và phát triển nhà trường sau KĐCLGD cấp độ 3 và trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2. Đẩy mạnh công tác truyền thông trong giáo dục đào tạo.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1 Đối với CB,GV,NV

- 100% CB, GV, NV nhà trường thực hiện tốt các cuộc vận động và phong trào thi đua của ngành, không vi phạm đạo đức nhà giáo, CB, GV, NV và HS không vi phạm pháp luật,vi phạm các quy định về dạy thêm, học thêm; quản lý các nguồn thu, chi; nội bộ đoàn kết, không có đơn thư khiếu kiện.

- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện học sinh, chất lượng đội ngũ CBQL, GV; Tham gia tất cả các cuộc thi, các cuộc giao lưu do cấp trên phát động, phấn đấu đạt kết quả cao.

- 30% CB, GV,NV đạt danh hiệu CSTĐ cơ sở. 15% CB, GV,NV nhận Bằng khen, Giấy khen các cấp;

- 100% CB, GV,NV tham gia viết sáng kiến được HĐKH cấp quận công nhận;

- Chất lượng bồi dưỡng HSG, HS năng khiếu, thi vào 10 THPT công lập đạt và vượt các chỉ tiêu đề ra. 100% các đồng chí giáo viên tham gia các kỳ thi dành cho giáo viên có giải, phấn đấu có GV được khen cấp Quận, cấp Thành phố tại các Hội thi.

- Đổi mới hiệu quả công tác khảo thí, sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn, lên lớp chuyên đề, kiểm tra nội bộ. Tổ chức thành công chuyên đề chuyên môn cấp thành phố "Nâng cao chất lượng thi vào lớp 10 THPT", chuyên đề Đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm phát huy năng lực tự học của HS bộ môn Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.

2.2 Đối với học sinh thực hiện CT GDPT 2018, kết quả đạt được:

- ***Về năng lực:*** 100% học sinh có kết quả Đạt trở lên về 10 năng lực: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo và các năng lực đặc thù: ngôn ngữ, toán học, khoa học, công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất

- ***Về phẩm chất:*** 100% học sinh có kết quả Đạt trở lên về 5 phẩm chất: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

- ***Về kết quả rèn luyện và học tập trong năm học 2024 -2025***

Khối	Tổng	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		Rèn luyện	Học tập	Rèn luyện	Học tập	Rèn luyện	Học tập	Rèn luyện	Học tập
Khối 6	**378**	321 HS	170 HS	37 HS	170 HS	20 HS	35 HS	0	3 HS
	100%	85%	45%	10%	45%	5%	9,2		0.8%
Khối 7	**442 HS**	380 HS	200 HS	45 HS	177 HS	22 HS	63 HS	0	2HS
	100%	85%	45%	10%	40%	5%	14,6%	0	0,4%
Khối 8	**393 HS**	337 HS	178 HS	36 HS	154 HS	20 HS	58 HS	0	2HS
	100%	85 %	45%	10%	40%	5%	14,6%	0	0,4%
Khối 9	**336 HS**	286 HS	148 HS	34 HS	138 HS	18 HS	50 HS	0	2HS
	100%	85 %	45%	10%	40%	5%	14,6%	0	0,4%
Tổng	**1552**	**1324**	**696**	**152**	**639**	**80**	**206**	**0**	**9**
	100%	**85%**	**45%**	**10%**	**40%**	**5%**	**14%**	**0%**	**0,4%**

- ***Về danh hiệu thi đua khen thưởng cuối năm học***

+ 10% HS đạt danh hiệu "Học sinh xuất sắc"

+ 35% HS đạt danh hiệu "Học sinh Giỏi"

+ 10 % HS "Có thành tích đột xuất trong rèn luyện và học tập "

- Đảm bảo an ninh, an toàn, không để xảy ra dịch bệnh, tai nạn thương tích, không có học sinh mắc tệ nạn, vi phạm pháp luật trong trường học.

- Không có học sinh bỏ học. Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục THCS, phổ cập trung học và nghề. 100% HS lớp 9 được công nhận tốt nghiệp THCS; điểm bình quân các môn trong kỳ thi vào THPT trong tốp 4 các trường THCS quận Ngô Quyền, 20-30 toàn thành phố.

- Kết quả học sinh giỏi đứng trong tốp 3 của bậc THCS quận. Các môn dự thi đều có giải HSG Thành phố theo chỉ tiêu đăng ký.

- Các danh hiệu thi đua:

+ Chi bộ "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ";

+ Trường: Tập thể lao động xuất sắc. Bằng khen của Thủ tướng chính phủ

+ Công đoàn: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Bằng khen của LĐLĐ Thành phố

+ Đoàn đội: Cờ thi đua của Trung ương đoàn.

+ Chi đoàn văn minh cấp Thành phố.

IV. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2024 -2025

1.Bảng tổng hợp kế hoạch giáo dục năm học 2024 -2025

Nội dung giáo dục	Số tiết/năm học			
	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
Môn học bắt buộc				
Ngữ văn	140	140	140	140
Toán	140	140	140	140
Ngoại ngữ 1	105	105	105	105
Giáo dục công dân	35	35	35	35
Lịch sử và Địa lí	105	105	105	105
Khoa học tự nhiên	140	140	140	140
Công nghệ	35	35	52	52
Tin học	35	35	35	35
Giáo dục thể chất	70	70	70	70
Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật)	70	70	70	70
Hoạt động giáo dục bắt buộc				
Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	105	105	105	105
Nội dung giáo dục của địa phương	35	35	35	35

Nội dung giáo dục	Số tiết/năm học			
	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
Môn học tự chọn				
Ngoại ngữ 2/ Tiếng Hàn Quốc	105			
Tổng số tiết học/năm học *(không kể các môn học tự chọn)*	**1015**	**1015**	**1032**	**1032**
Số tiết học trung bình/tuần *(không kể các môn học tự chọn)*	**29**	**29**	**29,5**	**29,5**

2. Bảng tổng hợp các chủ đề nội dung của các môn.

Nội dung giáo dục	Số tiết/năm học			
	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
Môn học bắt buộc				
Ngữ văn	140	140	140	140
Toán	140	140	140	140
Ngoại ngữ 1	105	105	105	105
Giáo dục công dân	35	35	35	35
Lịch sử và Địa lí	105	105	105	105
-Địa lý	45%	42%	41%	42%
-Lịch sử	45%	42%	41%	42%
-Chủ đề chung		6%	8%	10%
-Đánh giá định kỳ	10%	10%	10%	10%
Khoa học tự nhiên	140	140	140	140
-Mở đầu	5%	4%	2%	2%
-Hóa học	15%	20%	29%	31%
-Sinh Học	38%	38%	29%	25%
-Vật lý	25%	28%	28%	28%
-Vật lý và Sinh học	7%	0	2%	4%
-Đánh giá định kỳ	10%	10%	10%	10%
Công nghệ	35	35	52	52
Tin học	35	35	35	35
Giáo dục thể chất	70	70	70	70

Nội dung giáo dục	Số tiết/năm học			
	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật)	70	70	70	70
-Âm nhạc	35	35	35	35
-Mĩ thuật	35	35	35	35
Hoạt động giáo dục bắt buộc				
Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	105	105	105	105
- *Hoạt động hướng vào bản thân*	40%			
- *HĐ hướng đến XH*	25%			
- *HĐ hướng đến tự nhiên*	15%			
- *Hoạt động hướng nghiệp*	20%			
Nội dung giáo dục của địa phương	35	35	35	35
Môn học tự chọn				
Ngoại ngữ 2/ Tiếng Hàn Quốc	105			
Tổng số tiết học/năm học *(không kể các môn học tự chọn)*	**1015**	**1015**	**1032**	**1032**
Số tiết học trung bình/tuần *(không kể các môn học tự chọn)*	**29**	**29**	**29,5**	**29,5**

3. Hoạt động chính khóa/ Tổng hợp Bảng phân phối chương trình theo khối lớp.

3.1. Đối với khối lớp 6 Học kỳ I (6/9/2024 -18/1/2025)

MÔN/ TUẦN		Tuần 1 6-14/9	Tuần 2 16-21/9	Tuần 3 23-28/9	Tuần 4 30-5/10	Tuần5 7-12/10	Tuần6 14-19/10	Tuần 7 21-26/10	Tuần8 28-2/11	Tuần 9 4-9/11	Tuần 10 11-16/11	Tuần 11 18-23/11	Tuần 12 25-30/11	Tuần 13 2-7/12	Tuần 14 9-14/12	Tuần 15 16-21/12	Tuần 16 23-28/12	Tuần 17 30-4/1	Tuần 18 6-/11/25	Tổng thời lượng /môn
Ngữ văn (140 tiết/năm)		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	CĐ	LL	LL	KTGK 2t	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT CK	
Toán (140 tiết/năm)		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KTGK 2t	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	CĐ 2t	KT CK CĐ 2t	
Tiếng Anh (105 tiết/năm)		3	3	3	3	3	3	3	3	4	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KTGK 2t	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT CK TN	
GDCD (35tiết/năm)		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	TN	LL	LL	LL	LL	LL	KTGK	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT CK	
LSvà ĐL (105tiết/năm)	Sử	2	2	2	2	1	1	1	1	2	2	2	2	2	1	1	1	1	2	54
	Địa	1	1	1	1	2	2	2	2	KTGK	1	1	1	1	2	2	2	2	KT CK	
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KTGK 2t	LL	LL	TN	LL	LL	LL	LL	LL	KT CK	
KHTN (140 tiết/năm)		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KTGK 2t	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT CK	

Công nghệ (35 tiết/năm)		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KTGK	LL	LL	LL	TN	TN	LL	LL	LL	KT CK	
Tin học (35tiết/năm)		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KTGK	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT CK	
GDTC (70 tiết/năm)		2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**36**
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KTGK	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT CK	
Nghệ thuật (70 tiết/năm)	**ÂN**	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**
	MT	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	TN	LL	TN	LL	KTGK	TN	TN	LL	LL	TN	TN	LL	LL	KT CK	
HĐTN HN (105 tiết/năm)	**CC + SHL**	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	1	**36**
	TN CĐ	1	1	1	1	1	1	1	1	KTGK 2t	1	1	1	1	1	1	1	1	KT CK 2t	**18**
GDĐP (35 tiết/năm)		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KTGK	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT CK	
Môn học tự chọnNN 2 Tiếng HQ(105 tiết/năm)		**3**	**3**	**3**	**3**	**3**	**3**	**3**	**3**	**3**	**3**	**3**	**3**	**3**	**3**	**3**	**3**	**3**	**3**	**54**
Tổng số tiết bắt buộc/ tuần		**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**522**

Học kỳ II (20/01/2025 -25/5/2025)

MÔN/TUẦN		Tuần 19 20-25/01	Tuần 20 27-1/02	Tuần 21 3-8/2/24	Tuần 22 10-15/02	Tuần 23 17-22/2	Tuần 24 24-1/3/24	Tuần 25 3-8/3	Tuần 26 10-15/3	Tuần 27 17-22/3	Tuần 28 24-29/3	Tuần 29 31-5/4/24	Tuần 30 7-12/4	Tuần 31 14-19/4	Tuần 32 21-26/4	Tuần 33 28-3/5	Tuần 34 5-10/5	Tuần 35 12-17/5	Tổng thời lượng/ môn
Ngữ văn (140 tiết/năm)		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	TN	LL	LL	LL	LL	LL	KT GK 2t	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT CK	
Toán (140 tiết/năm)		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT GK 2	LL	LL	LL	LL	LL	CĐ 2T	CĐ 2T	KT CK	
Tiếng Anh (105 tiết/năm)		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	TN	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT GK 2t	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT CK	
GDCD (35 tiết/năm)		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT GK	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT CK	LL	
LS và ĐL (105 tiết/năm)	**Sử**	2	2	2	2	1	1	1	1	1	2	2	2	2	1	1	1	1	51
	Địa	1	1	1	1	2	2	2	2		1	1	1	1	2	2	2	2	
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	TN	KT GK 2t	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT CK	LL	
KHTN (140 tiết/năm)		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	TN	LL	LL	KT GK 2t	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT CK	

Công nghệ(35 tiết/năm)		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT GK	LL	LL	LL	LL	CĐTH	CĐTH	KT CK	LL	
Tin học (35 tiết/năm)		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT GK	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT CK	LL	
GDTC (70 tiết/năm)		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**34**
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT GK 1t	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT CK	LL	
Nghệ thuật (70 tiết/năm)	**ÂN**	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
	MT	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		TN	LL	TN	LL	TN	TN	LL	LL	KT GK 1t	TN	LL	LL	LL	LL	TN	TN	LL	
HĐTN HN (105tiết/năm)	**CC+ SHL**	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	1	2	**34**
	TN CĐ	1	1	1	1	1	1	1	1	KT GK 2t	1	1	1	1	1	1	KT CK 2t	1	**17**
GDĐP(35 tiết/năm)		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	TN	KT GK TN	TN	TN		LL	LL	KT CK	LL	
Môn học tự chọnNN 2 Tiếng HQ(105 tiết/năm)		**3**	**3**	**3**	**3**	**3**	**3**	**3**	**3**	**3**	KT GK	**3**	**3**	**3**	**3**	**3**	**KT CK**	**3**	**51**
Tổng số tiết bắt buộc/ tuần		**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**493**

3.2. Đối với khối lớp 7 Học kỳ I (6/9/2024 -18/1/2025)

MÔN/ TUẦN		Tuần 1 6-14/9	Tuần 2 16-21/9	Tuần 3 23-28/9	Tuần 4 30-5/10	Tuần 5 7-12/10	Tuần 6 14-19/10	Tuần 7 21-26/10	Tuần 8 28-2/11	Tuần 9 4-9/11	Tuần 10 11-16/11	Tuần 11 18-23/11	Tuần 12 25-30/11	Tuần 13 2-7/12	Tuần 14 9-14/12	Tuần 15 16-21/12	Tuần 16 23-28/12	Tuần 17 30-4/1	Tuần 18 6-/11/25	Tổng thời lượng/ môn
Ngữ văn (140 tiết/năm)		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT GK 2t	LL	LL	LL	LL 2t TN 2t	LL	LL	LL	LL	KT CK	
Toán (140 tiết/năm)		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT GK 2t	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT CK TN	
Tiếng Anh (105 tiết/năm)		3	3	3	3	3	3	3	3	4	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT GK 2t	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT CK TN	
GDCD (35tiết/năm)		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT GK	LL	LL	LL	TN	LL	LL	LL	LL	KT CK	
LSvà ĐL (105tiết/năm)	**Sử**	1	1	1	1	2	2	2	2	2	1	1	1	1	2	2	2	2	2	54
	Địa	2	2	2	2	1	1	1	1	KT GK	2	2	2	2	1	1	1	1	KT CK	
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	TN	LL	LL	LL	KT GK 2t	LL	LL	LL	CĐ	LL	LL	LL	LL	KT CK	
KHTN (140 tiết/năm)		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT GK 2t	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT CK	

Công nghệ (35 tiết/năm)		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	CĐTH	LL	LL	LL	LL	KTGK	LL	LL	TN	TN	TN	LL	LL	LL	KTCK	
Tin học (35tiết/năm)											2	2	2	2	2	2	2	2	**18**
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm											LL	LL	LL	KTGK	LL	LL	LL	LL	KTCK	
GDTC (70 tiết/năm)		2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**36**
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KTGK	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KTCK	
Nghệ thuật (70 tiết/năm)	**ÂN**	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**
	MT	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		TN	LL	LL	LL	TN	LL	LL	TN	KTGK	TN	LL	LL	TN	TN	TN	LL	TN	KTCK	
HĐTN HN (105 tiết/năm)	**CC+ SHL**	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	1	**36**
	TN CĐ	1	1	1	1	1	1	1	1	KTGK 2t	1	1	1	1	1	1	1	1	KTCK 2t	**18**
GDĐP (35 tiết/năm)		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KTGK	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KTCK	
Tổng số tiết bắt buộc/ tuần		**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**522**

Học kỳ II (20/01/2025 -25/5/2025)

MÔN/TUẦN		Tuần 19 20-25/01	Tuần 20 27-1/02	Tuần 21 3-8/2/24	Tuần 22 10-15/02	Tuần 23 17-22/2	Tuần 24 24-1/3/24	Tuần 25 3-8/3	Tuần 26 10-15/3	Tuần 27 17-22/3	Tuần 28 24-29/3	Tuần 29 31-5/4/24	Tuần 30 7-12/4	Tuần 31 14-19/4	Tuần 32 21-26/4	Tuần 33 28-3/5	Tuần 34 5-10/5	Tuần 35 12-17/5	Tổng thời lượng môn
Ngữ văn (140 tiết/năm)		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT GK 2t	LL	LL	LL	LL 2t TN 2t	LL	LL	LL	KT CK	
Toán (140 tiết/năm)		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT GK 2	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT CK TN	
Tiếng Anh (105 tiết/năm)		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT GK 2t	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT CK	
GDCD (35 tiết/năm)		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT GK	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT CK	LL	
LS và ĐL (105 tiết/năm)	**Sử**	2	2	2	2	1	1	1	1	1	2	2	2	2	1	1	1	1	51
	Địa	1	1	1	1	2	2	2	2		1	1	1	1	2	2	2	2	
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT GK 2t	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT CK	LL	
KHTN (140 tiết/năm)		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT GK 2t	LL	TN 3t	TN	LL	LL	LL	LL	KT CK	

Công nghệ(35 tiết/năm)		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT GK	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT CK	LL	
Tin học (35 tiết/năm)										2	2	2	2	2	2	2	1	2	**17**
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm										KT GK	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT CK	LL	
GDTC (70 tiết/năm)		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**34**
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT GK 1t	LL	LL	LL	LL	LL	LL	TN	KTCK	
Nghệ thuật (70 tiết/năm)	**ÂN**	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
	MT	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		TN	LL	LL	TN	TN	LL	LL	TN	KT GK 1t	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT CK	LL	
HĐTN HN (105tiết/năm)	**CC+ SHL**	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	1	2	**34**
	TN CĐ	1	1	1	1	1	1	1	1	KT GK 2t	1	1	1	1	1	1	KT CK 2t	1	**17**
GDĐP(35 tiết/năm)		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT GK	LL	LL	LL	LL	LL	KT CK	LL	
Tổng số tiết bắt buộc/ tuần		**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**493**

3.3. Đối với khối lớp 8 Học kỳ I (6/9/2024 -18/1/2025)

MÔN/ TUẦN		Tuần 1 6-14/9	Tuần 2 16-21/9	Tuần 3 23-28/9	Tuần 4 30-5/10	Tuần 5 7-12/10	Tuần 6 14-19/10	Tuần 7 21-26/10	Tuần 8 28-2/11	Tuần 9 4-9/11	Tuần 10 11-16/11	Tuần 11 18-23/11	Tuần 12 25-30/11	Tuần 13 2-7/12	Tuần 14 9-14/12	Tuần 15 16-21/12	Tuần 16 23-28/12	Tuần 17 30-4/1	Tuần 18 6-/11/25	Tổng thời lượng/ môn
Ngữ văn (140 tiết/năm)		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT GK 2t	LL	LL	LL	LL 2t TN 2t	LL	LL	LL	LL	KT CK	
Toán (140 tiết/năm)		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT GK 2t	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT CK TN	
Tiếng Anh (105 tiết/năm)		3	3	3	3	3	3	3	3	4	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT GK 2t	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT CK TN	
GDCD (35tiết/năm)		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT GK	LL	LL	LL	TN	LL	LL	LL	LL	KT CK	
LSvà ĐL (105tiết/năm)	Sử	1	1	1	1	2	2	2	2	2	1	1	1	1	2	2	2	2	2	54
	Địa	2	2	2	2	1	1	1	1	KT GK	2	2	2	2	1	1	1	1	KT CK	
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	TN	LL	LL	LL	KT GK 2t	LL	LL	LL	CĐ	LL	LL	LL	LL	KT CK	
KHTN (140 tiết/năm)		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT GK 2t	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT CK	

Công nghệ (52 tiết/năm)		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**36**
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	CĐTH	LL	LL	LL	LL	KTGK	LL	LL	TN	TN	TN	LL	LL	LL	KTCK	
Tin học (35 tiết/năm)		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KTGK	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KTCK	
GDTC (70 tiết/năm)		2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**36**
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KTGK	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KTCK	
Nghệ thuật (70 tiết/năm)	**ÂN**	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**
	MT	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		TN	LL	LL	LL	TN	LL	LL	TN	KTGK	TN	LL	LL	TN	TN	TN	LL	TN	KTCK	
HĐTN HN (105 tiết/năm)	**CC+ SHL**	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	1	**36**
	TN CĐ	1	1	1	1	1	1	1	1	KTGK 2t	1	1	1	1	1	1	1	1	KTCK 2t	**18**
GDĐP (35 tiết/năm)		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KTGK	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KTCK	
Tổng số tiết bắt buộc/ tuần		**29,5**	**29,5**	**29,5**	**29,5**	**29,5**	**29,5**	**29,5**	**29,5**	**29,5**	**29,5**	**29,5**	**29,5**	**29,5**	**29,5**	**29,5**	**29,5**	**29,5**	**29,5**	

Học kỳ II (20/01/2025 -25/5/2025)

MÔN/TUẦN		Tuần 19 20-25/01	Tuần 20 27-1/02	Tuần 21 3-8/2/24	Tuần 22 10-15/02	Tuần 23 17-22/2	Tuần 24 24-1/3/24	Tuần 25 3-8/3	Tuần 26 10-15/3	Tuần 27 17-22/3	Tuần 28 24-29/3	Tuần 29 31-5/4/24	Tuần 30 7-12/4	Tuần 31 14-19/4	Tuần 32 21-26/4	Tuần 33 28-3/5	Tuần 34 5-10/5	Tuần 35 12-17/5	Tổng thời lượng môn
Ngữ văn (140 tiết/năm)		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT GK 2t	LL	LL	LL	LL 2t TN 2t	LL	LL	LL	KT CK	
Toán (140 tiết/năm)		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT GK 2	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT CK TN	
Tiếng Anh (105 tiết/năm)		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT GK 2t	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT CK	
GDCD (35 tiết/năm)		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT GK	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT CK	LL	
LS và ĐL (105 tiết/năm)	**Sử**	2	2	2	2	1	1	1	1	1	2	2	2	2	1	1	1	1	51
	Địa	1	1	1	1	2	2	2	2		1	1	1	1	2	2	2	2	
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT GK 2t	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT CK	LL	
KHTN (140 tiết/năm)		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT GK 2t	LL	TN 3t	TN	LL	LL	LL	LL	KT CK	

Công nghệ(35 tiết/năm)		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT GK	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT CK	LL	
Tin học (35 tiết/năm)		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT GK	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT CK	LL	
GDTC (70 tiết/năm)		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**34**
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT GK 1t	LL	LL	LL	LL	LL	LL	TN	KTCK	
Nghệ thuật (70 tiết/năm)	**ÂN**	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
	MT	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		TN	LL	LL	TN	TN	LL	LL	TN	KT GK 1t	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT CK	LL	
HĐTN HN (105tiết/năm)	**CC+ SHL**	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	1	2	**34**
	TN CĐ	1	1	1	1	1	1	1	1	KT GK 2t	1	1	1	1	1	1	KT CK 2t	1	**17**
GDĐP(35 tiết/năm)		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT GK	LL	LL	LL	LL	LL	KT CK	LL	
Tổng số tiết bắt buộc/ tuần		**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	

3.4. Đối với khối lớp 9 Học kỳ I (6/9/2024 -18/1/2025)

MÔN/ TUẦN		Tuần 1 6-14/9	Tuần 2 16-21/9	Tuần 3 23-28/9	Tuần 4 30-5/10	Tuần 5 7-12/10	Tuần 6 14-19/10	Tuần 7 21-26/10	Tuần 8 28-2/11	Tuần 9 4-9/11	Tuần 10 11-16/11	Tuần 11 18-23/11	Tuần 12 25-30/11	Tuần 13 2-7/12	Tuần 14 9-14/12	Tuần 15 16-21/12	Tuần 16 23-28/12	Tuần 17 30-4/1	Tuần 18 6-/11/25	Tổng thời lượng/ môn
Ngữ văn (140 tiết/năm)		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT GK 2t	LL	LL	LL	LL 2t TN 2t	LL	LL	LL	KT CK	LL	
Toán (140 tiết/năm)		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT GK 2t	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT CK TN	LL	
Tiếng Anh (105 tiết/năm)		3	3	3	3	3	3	3	3	4	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT GK 2t	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT CK TN	LL	
GDCD (35tiết/năm)		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT GK	LL	LL	LL	TN	LL	LL	LL	KT CK	LL	
LSvà ĐL (105tiết/năm)	Sử	1	1	1	1	2	2	2	2	2	1	1	1	1	2	2	2	2		54
	Địa	2	2	2	2	1	1	1	1	KT GK	2	2	2	2	1	1	KT CK	KT CK		
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	TN	LL	LL	LL	KT GK 2t	LL	LL	LL	CĐ	LL	LL	LL	KT CK	LL	
KHTN (140 tiết/năm)		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT GK 2t	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT CK	LL	

Công nghệ (52 tiết/năm)		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**36**
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	CĐTH	LL	LL	LL	LL	KTGK	LL	LL	TN	TN	TN	LL	LL	KTCK	LL	
Tin học (35 tiết/năm)		2	2	2	2	KTGK	2	2	2	KTCK										**18**
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KTGK	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KTCK	LL	
GDTC (70 tiết/năm)		2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**36**
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KTGK	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KTCK	LL	
Nghệ thuật (70 tiết/năm)	**ÂN**	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		**18**
	MT	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		**18**
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		TN	LL	LL	LL	TN	LL	LL	TN	KTGK	TN	LL	LL	TN	TN	TN	LL	KTCK	LL	
HĐTN HN (105 tiết/năm)	**CC+ SHL**	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	1	1		**36**
	TN CĐ	1	1	1	1	1	1	1	1	KTGK 2t	1	1	1	1	1	1	LL	KTCK 2t		**18**
GDĐP (35 tiết/năm)						2	2	2	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KTGK	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KTCK	LL	
Tổng số tiết bắt buộc/ tuần		**29,5**	**29,5**	**29,5**	**29,5**	**29,5**	**29,5**	**29,5**	**29,5**	**29,5**	**29,5**	**29,5**	**29,5**	**29,5**	**29,5**	**29,5**	**29,5**	**29,5**	**29,5**	**29,5**

Học kỳ II (20/01/2025 -25/5/2025)

MÔN/TUẦN		Tuần 19 20-25/01	Tuần 20 27-1/02	Tuần 21 3-8/2/24	Tuần 22 10-15/02	Tuần 23 17-22/2	Tuần 24 24-1/3/24	Tuần 25 3-8/3	Tuần 26 10-15/3	Tuần 27 17-22/3	Tuần 28 24-29/3	Tuần 29 31-5/4/24	Tuần 30 7-12/4	Tuần 31 14-19/4	Tuần 32 21-26/4	Tuần 33 28-3/5	Tuần 34 5-10/5	Tuần 35 12-17/5	Tổng thời lượng môn
Ngữ văn (140 tiết/năm)		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT GK 2t	LL	LL	LL	LL 2t TN 2t	LL	LL	LL	KT CK	
Toán (140 tiết/năm)		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT GK 2	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT CK TN	
Tiếng Anh (105 tiết/năm)		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT GK 2t	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT CK	
GDCD (35 tiết/năm)		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT GK	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT CK	LL	
LS và ĐL (105 tiết/năm)	**Sử**	2	2	2	2	1	1	1	1	1	2	2	2	2	1	1	1	1	51
	Địa	1	1	1	1	2	2	2	2		1	1	1	1	2	2	2	2	
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT GK 2t	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT CK	LL	
KHTN (140 tiết/năm)		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT GK 2t	LL	TN 3t	TN	LL	LL	LL	LL	KT CK	

Công nghệ(35 tiết/năm)		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT GK	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT CK	LL	
Tin học (35 tiết/năm)		2	2	2	2	2 KTGK	2	2	2	KT CK									**17**
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT GK	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT CK	LL	
GDTC (70 tiết/năm)		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**34**
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT GK 1t	LL	LL	LL	LL	LL	LL	TN	KTCK	
Nghệ thuật (70 tiết/năm)	**ÂN**	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
	MT	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		TN	LL	LL	TN	TN	LL	LL	TN	KT GK 1t	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT CK	LL	
HĐTN HN (105tiết/năm)	**CC+ SHL**	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	1	2	**34**
	TN CĐ	1	1	1	1	1	1	1	1	KT GK 2t	1	1	1	1	1	1	KT CK 2t	1	**17**
GDĐP(35 tiết/năm)		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
Lên lớp Chủ đề Trải nghiệm		LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	LL	KT GK	LL	LL	LL	LL	LL	KT CK	LL	
Tổng số tiết bắt buộc/ tuần		**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	

Ghi chú: LL: Số tiết lên lớp; CĐ: Số tiết dạy học theo chủ đề; TN: Số tiết dạy học trải nghiệm

Gợi ý về chương trình tăng cường, mở rộng:

- *Chương trình Tích hợp Toán, Khoa học bằng tiếng Anh*
- *Chương trình dạy học các chủ đề Giáo dục STEM*
- *Chương trình dạy học trải nghiệm ...*
- *Chương trình dạy học với giáo viên người nước ngoài*
- *Bồi dưỡng học sinh giỏi*

- *Bồi dưỡng học sinh giỏi*
- *Phụ đạo học sinh yếu, kém*

4. Các hoạt động tăng cường, mở rộng

4.1. Bồi dưỡng học sinh giỏi, HS năng khiếu

- Tổ chức Hội thảo công tác bồi dưỡng HSG, HS năng khiếu: đánh giá công tác BDHSG năm học 2023 -2024, bàn giải pháp, thảo luận về công tác BD HSG của năm học 2024 -2025; chọn đội tuyển học sinh giỏi lớp 8 môn KHTN bằng Tiếng Anh, Tin học, Âm nhạc, Mĩ thuật và lớp 9 ở tất cả các bộ môn để tập huấn. Thành lập đội tuyển HSG, HS năng khiếu tham gia dự thi cấp Quận, cấp Thành phố, cấp Quốc gia

- Phân công giáo viên có năng lực, kinh nghiệm phụ trách công tác bồi dưỡng HSG, HS NK và tổ chức bồi dưỡng ngay từ đầu năm học; Đối với các môn Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh thành lập và tập huấn ĐT HSG từ lớp 6; Phân công giáo viên Hướng dẫn cuộc thi viết thư Quốc tế UPU, Thi KHKT, Các môn Toán TA, KHTN bằng TA, TDTT, NK, hội nhập Toán, Tiếng Anh,…

- Xây dựng KH bồi dưỡng HSG, HSNK và kiểm tra đánh giá qua các bài kiểm tra đội tuyển, qua các bài thi. Mỗi tháng 01 bài kiểm tra đội tuyển HSG lớp 6,7,8,9. Bắt đầu từ tháng 8 đến tháng 11 (04 bài KT ĐTHSG). HS Tham gia thi HSG cấp quận tháng 11 năm 2024. HS được lựa chọn tập huấn ĐT cấp TP từ tháng 11,12. Tham gia thi cấp TP tháng 1 năm 2025.

- Tổ chức thi HSG 3 môn Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh cấp trường lớp 6,7 và các môn Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, KHTN lớp 8 vào tháng 10 năm 2024; Tổ chức thi các môn năng khiếu TDTT trong tháng 11,12 năm 2024.

4.2. Phụ đạo học sinh yếu kém

- Giáo viên lập danh sách đối học sinh có học lực yếu kém với ba môn Toán, Tiếng Anh, Ngữ văn trên cơ sở đó BGH phân công giáo viên có trách nhiệm, nhiệt tình phụ trách, phụ đạo, với thời lượng mỗi môn được học từ 1 đến 2 tiết/tuần .

- Tổ chức Bồi dưỡng HS yếu kém lớp 9 theo số lượng HS của từng lớp, giao cho giáo viên dạy Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh của lớp và chọn cử GV phụ đạo gắn với giao chất lượng và ghi nhận kết quả, thành tích. Bồi dưỡng theo lịch và TKB của nhà trường, đánh giá sự tiến bộ của HS qua các bài kiểm tra và báo cáo về nhà trường.

- Các môn khác có HS yếu sẽ phụ đạo ngay trong giờ dạy.

4.3 Kế hoạch dạy thêm – học thêm trong nhà trường

- Nhà trường xây dựng KH Dạy thêm học thêm trong nhà trường năm học 2024 -2025 đối với 3 Môn Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh và thêm bộ môn KHTN cho HS khối 8,9. (Có kế hoạch, TKB, Chương trình riêng)

- Đối tượng: HS lớp 6,7,8,9 có đơn xin học thêm năm học 2024 -2025.

- Thời gian học: Học chéo buổi. Khối 67,8 học 3 buổi/ 1 tuần. Mỗi buổi 4 tiết. Khối 9 học 4 buổi/ tuần. Mỗi buổi 4 tiết.

- Nội dung, chương trình: do nhóm chuyên môn xây dựng, BGH nhà trường phê duyệt.

4.4 Kế hoạch dạy tăng cường tiếng Anh với giáo viên người nước ngoài

- Nhà trường xây dựng KH dạy tăng cường tiếng Anh với giáo viên người nước ngoài năm học 2024 -2025 (Có kế hoạch, TKB, Chương trình riêng)

- Đối tượng: HS lớp 6,7,8 có đơn xin học tăng cường tiếng Anh với giáo viên người nước ngoài năm học 2024 -2025.

- Thời gian học: 01 tiết/ 1 tuần. 4 tiết/ 1 tháng

- Nội dung, chương trình: do nhóm chuyên môn Tiếng Anh, BGH nhà trường phê duyệt.

- Nhà trường ký Hợp đồng với Trung tâm Ngoại ngữ Đặng Tuấn trực thuộc công ty Cổ phần GD Đặng Tuấn. Địa chỉ số 22/43 Nguyễn Tường Loan, Phường Nghĩa Xá, quận Lê Chân, Hải Phòng.

4.5. Câu lạc bộ Tiếng Anh.

- Sinh hoạt 01 lần/ tháng.

- Thành lập CLB Tiếng Anh lớp 6,7,8,9 và phân công giáo viên phụ trách, nhóm chuyên môn xây dựng KH và nội dung hoạt động và triển khai thực hiện cùng TT Ngoại ngữ Đặng Tuấn.

4.6 Câu lạc bộ "Em yêu nghệ thuật"

- Sinh hoạt 01 lần/ tháng.

- Nội dung, hình thức do nhóm bộ môn Âm nhạc- Mỹ thuật xây dựng và triển khai thực hiện cùng TPT Đội TNTP Hồ Chí Minh.

4.7. Câu lạc bộ thể thao.

- Câu lạc bộ bóng rổ.

+ Hình thức tổ chức: Học sinh luyện tập vào chiều thứ Tư và thứ Sáu hằng tuần tại sân bóng rổ

+ Tổ chức giao hữu giữa các lớp.

- Câu lạc bộ cầu lông.

+ Hình thức tổ chức: Học sinh luyện tập vào chiều thứ 3 và thứ 5 hằng tuần tại nhà Đa năng.

+ Tổ chức giao hữu giữa các lớp, tham gia HKPĐ năm học 2024 -2025, thi đấu TDTT cấp quận, cấp TP.

- Câu lạc bộ cờ vua.

+ Hình thức tổ chức: Học sinh luyện tập vào chiều thứ 2 và thứ 4 hằng tuần tại nhà Đa năng.

+ Tổ chức giao hữu giữa các lớp, tham gia HKPĐ năm học 2024 -2025, thi đấu TDTT cấp quận, cấp TP.

4.8. Câu lạc bộ "Em yêu khoa học", STEM Robotis

- Thành lập CLB trên cơ sở đăng ký của học sinh các khối lớp 6, 7, 8,9 (khoảng 40 đến 50 học sinh). Phân công GV phụ trách, quản lý và Hướng dẫn HS các CLB sinh hoạt.

- Tổ chức học 1 buổi/tuần tại Hội trường

- HS tham gia trải nghiệm STEM; Sáng tạo các sản phẩm STEM. STEM Robotis

- HS tham gia cuộc thi KHKT, thi sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng cấp trường, cấp quận, cấp thành phố

5. Hoạt động ngoại khóa

Tháng 9: Chủ đề "**An toàn giao thông và phòng chống ma túy, tác hại thuốc lá, thuốc lá điện tử** ". Hình thức tổ chức: Phát động vẽ tranh tuyên truyền,

phối hợp với Đội CSGT quận Ngô Quyền tổ chức tuyên truyền Luật Giao thông đường bộ cho HS toàn trường.

Tháng 10: Chủ đề "**Lòng biết ơn và sống trách nhiệm**". Hình thức: chuyên đề cấp thành phố môn Ngữ văn kết hợp HĐ Đội và phong trào thiếu nhi.

Tháng 11: Chủ đề "Tôn sư trọng đạo". Hình thức tổ chức: Liên hoan văn nghệ các khối, lớp.

Tháng 12: Chủ đề "**Uống nước nhớ nguồn**". Hình thức tổ chức: Học sinh viếng nghĩa trang liệt sĩ, khu tưởng niệm Căng Máy Chai, nghe Hội cựu chiến binh nói chuyện truyền thống quân đội NDVN. Tổ chức Hội Khoẻ Phù Đổng

Tháng 1+ 2/2025: Chủ đề "**Lễ hội trên quê hương Hải Phòng**". Hình thức tổ chức: Học sinh tham gia HĐTNHN theo chủ đề và KH của các khối.

Tháng 3/2025: Thanh niên lập nghiệp, HS khối 8,9. Hình thức tổ chức: Ngày hội tư vấn hướng nghiệp cùng chuyên gia và các anh chị HS trường THPT Thái Phiên

Tháng 4,5/2025 : Chủ đề "**Ngày hội đọc sách**". Hình thức tổ chức: Chia sẻ với các bạn về "Cuốn sách tôi yêu". (Phát động và tổng hợp từng tháng về số lượng tham gia thư viện số, đánh giá thi đua theo kỳ).

V. KẾ HOẠCH TỔNG HỢP CỦA NĂM HỌC 2024-2025

1. Khung kế hoạch thời gian năm học.

- Ngày tựu trường: 29/8/2024.
- Ngày khai giảng: 05/9/2024.
- Học kỳ 1: Từ 06/9/2024 đến 18/01/2025.

+ Kiểm tra giữa kỳ 1: từ 4/11/2024 đến 9/11/2024

+ Kiểm tra cuối kỳ 1: từ 04/01/2025 đến 11/01/2025.

+ Thi KHKT cấp Quận: 18.19/10/2024; Cấp TP: 24/11/2024

+ Thi HSG cấp quận: tháng 11 năm 2024. Cấp Thành phố tháng 01 năm 2025.

+ Thi Giải Toán và các môn KHTN bằng Tiếng Anh cấp Quận 01/2025; Cấp TP: 3/2025

+ Hội khoẻ Phù Đổng năm học 2024 -2025: 01/12 đến 8/12/2024

- Học kỳ 2: Từ 20/01/2025 đến 25/5/2025.

+ Nghỉ tết Nguyên đán: từ 27/01/2025 đến 02/02/2025

+ Kiểm tra giữa kỳ 2: từ 17/3/2025 đến 22/3/2025

+ Kiểm tra cuối kỳ 2: từ 01/5/2025 đến 10/5/2025

+ Xét tốt nghiệp THCS trước ngày 20/5/2025

+ Thi GVCN giỏi cấp Quận Tuần 4 tháng 2/2025;

+ Thi thiết bị dạy học số: 8/4 -14/4/2025

- Kết thúc năm học: 31/5/2025

* BGH sẽ điều chỉnh bổ sung KH dạy bù hoặc giao GV chủ động dạy bù các buổi nghỉ học trong HK để đảm bảo tiến độ chương trình;

2. Thời gian học trong ngày.

* Buổi sáng:

Tiết 1: 7h00 – 7h45 (giải lao 5')

Tiết 2: 7h50 – 8h35 (TDGG + giải lao 15')

Tiết 3: 8h50 - 9h35 (giải lao 5')

Tiết 4: 9h40 - 10h25 (giải lao 5')

Tiết 5: 10h30 – 11h15.

* Buổi chiều:

Tiết 1: 13h00 – 13h45 (giải lao 5')

Tiết 2: 13h50 – 14h35 (TDGG + giải lao 15')

Tiết 3: 14h50 - 15h35 (giải lao 5')

Tiết 4: 15h40 - 16h25 (giải lao 5')

Tiết 5: 16h30 – 17h15.

* Lưu ý:

-Thời gian học, ra chơi, ra về có thể được điều chỉnh;

-Thời gian học trực tuyến sẽ khác với thời gian học trực tiếp để phù hợp với tình hình thực tế;

*Học bồi dưỡng, học tăng cường, học ĐT HSG, câu lạc bộ:

- Ca 1: từ 14h00 đến 15h20' Ca 2: từ 15h40 đến 17h00'

3. Dự kiến các ngày nghỉ trong năm học

- Hội nghị Nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động năm học 2024 -2025: thứ 5 ngày 3/10/2024;

- Chuyên đề chuyên môn cấp TP **"Dạy học sách giáo khoa lớp 9 Chương trình GDPT 2018 nhằm giáo dục cho HS lòng biết ơn qua giờ dạy kiểu bài Nói- nghe: Thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống"**: Thứ 5 ngày 25/ 10/ 2024

- Một số hoạt động chuyên môn của PGD, Sở GD ĐT đặt địa điểm tổ chức, triển khai tại trường trong năm học: Thi HSG cấp quận tháng 11 năm 2024

- Nghỉ do bão, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, nhiệt độ xuống dưới 7 độ

- Ngày nhà giáo Việt Nam: thứ 4 ngày 20/11/2024;

- Hội khỏe Phù Đổng năm học 2024 -2025: thứ 7 ngày 7/12/2024

- Nghỉ Tết Dương lịch 2024: thứ 4 ngày 01/01/2025

- Hội nghị Sơ kết HKI năm học 2024 -2025: thứ 3 ngày 14/01/2025

- Nghỉ Giỗ Tổ Hùng Vương: Thứ 2 ngày 10 tháng 3 năm 2025 Âm lịch tức ngày 7/4/2025;

- Nghỉ Ngày Giải Phóng Miền Nam và Quốc tế lao động: Thứ 4, 5 ngày 30-01/5/2025

- Hội nghị Tổng kết năm học 2024 -2025: thứ 3 ngày 27/5/2025

- Một số hoạt động chuyên môn của PGD, Sở GD ĐT đặt địa điểm tổ chức, triển khai.

4. Bảng tổng hợp KHDH năm học 2024 - 2025

Tháng		9 - 2024				10 - 2024				11 - 2024				12 - 2024				01 - 2025					2- 2025				3-2025					4-2025				5-2025				
Khối	Ngày	6	16	23	30	7	14	21	28	4	11	18	25	2	9	16	23	30/1	6	13	10	27	3	10	17	24	3	10	17	24	31/	7	14	21	28	5	12	19	26	
		14	21	28	5/10	12	19	26	2/11	9	16	23	30	7	14	21	28	4	11	18	25	1/2	8	15	22	1/3	8	15	22	29	5/4	12	19	26	3/5	10	17	24	31	
	Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	
	Lớp																																							
6	6A1	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D		D	D	TN	D	D	D	T	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D	
	6A2	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D		D	D	TN	D	D	D	T	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D	
	6A3	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D		D	D	TN	D	D	D	T	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D	
	6A4	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D		D	D	TN	D	D	D	T	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D	
	6A5	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D		D	D	TN	D	D	D	T	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D	
	6A6	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D		D	D	TN	D	D	D	T	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D	
	6A7	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D		D	D	TN	D	D	D	T	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D	
	6A8	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D		D	D	TN	D	D	D	T	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D	
7	7B1	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D		D	D	D	D	D	D	T	D	D	TN	D	D	D	D	T	D	D	
	7B2	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D		D	D	D	D	D	D	T	D	D	TN	D	D	D	D	T	D	D	
	7B3	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D		D	D	D	D	D	D	T	D	D	TN	D	D	D	D	T	D	D	
	7B4	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D		D	D	D	D	D	D	T	D	D	TN	D	D	D	D	T	D	D	
	7B5	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D		D	D	D	D	D	D	T	D	D	TN	D	D	D	D	T	D	D	
	7B6	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D		D	D	D	D	D	D	T	D	D	TN	D	D	D	D	T	D	D	
	7B7	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D		D	D	D	D	D	D	T	D	D	TN	D	D	D	D	T	D	D	
	7B8	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D		D	D	D	D	D	D	T	D	D	TN	D	D	D	D	T	D	D	
	7B9	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D		D	D	D	D	D	D	T	D	D	TN	D	D	D	D	T	D	D	
8	8C1	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D		D	D	D	D	D	D	T	D	D	D	D	D	TN	D	T	D	D	
	8C2	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D		D	D	D	D	D	D	T	D	D	D	D	D	TN	D	T	D	D	
	8C3	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D		D	D	D	D	D	D	T	D	D	D	D	D	TN	D	T	D	D	
	8C4	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D		D	D	D	D	D	D	T	D	D	D	D	D	TN	D	T	D	D	
	8C5	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D		D	D	D	D	D	D	T	D	D	D	D	D	TN	D	T	D	D	
	8C6	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D		D	D	D	D	D	D	T	D	D	D	D	D	TN	D	T	D	D	
	8C7	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D		D	D	D	D	D	D	T	D	D	D	D	D	TN	D	T	D	D	
	8C8	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D		D	D	D	D	D	D	T	D	D	D	D	D	TN	D	T	D	D	
9	9D1	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D		D	D	D	D	D	D	T	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D	
	9D2	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D		D	D	D	D	D	D	T	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D	
	9D3	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D		D	D	D	D	D	D	T	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D	
	9D4	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D		D	D	D	D	D	D	T	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D	
	9D5	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D		D	D	D	D	D	D	T	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D	
	9D6	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D		D	D	D	D	D	D	T	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D	

9D7	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D
9D8	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D	D	D	D	D	D	T	D	D

5. Phân công chuyên môn năm học 2024 -2025

5.1 Phân công chuyên môn Tổ KHXH (Thực hiện từ: 06/09/2024)

STT	HỌ VÀ TÊN	Năm sinh	Trình độ ĐT	CN	HĐTN	VĂN	SỬ	ĐỊA	GDCD	ÂN	MT	ANH	GDĐP	Định mức trách nhiệm	Tổng	NV.KHÁC
Tiết/ Tuần				4	3	4	1.5	1.5	1	1	1	3	1			
1	Đỗ Mai Hương	25/1/1980	CĐ SP Văn+GDCD, ĐH Văn, Th.S Ng.ngữ VN		C1 (2)										2	Hiệu trưởng
2	Đào T.Thùy Dương	18/11/1973	ĐH SP Địa		C7 (2)			A3							4	Phó Hiệu trưởng
3	Đoàn Thị Bích	10/10/1971	CĐ SP Văn ĐH SP Ngữ Văn	C2	1	B7, C24								3	20	Thư ký HĐ, Tổ trưởng, Đội tuyển HSG Văn 8, thi ATGT
4	Lê Thị Lành	25/11/1979	CĐ SP Văn - Sử ĐH SP Văn	C1	1	C1, D4	B1379							1	20	Tổ phó CM; Nhóm trưởng Văn 8; Đội tuyển HSG Văn 8; viết thư UPU

5	Vũ Thị Thủy	27/1/1993	ĐH SP Ngữ văn			A5	A245 678						C1357		17	Nghỉ sinh từ T11/2024
6	Đinh T.Thu Hà	30/1/1973	CĐSP Văn - Sử; ĐH Văn	D2	3	C5, D2	C57							2	20	Trưởng ban TTND, Tổ trưởng CĐ, Nhóm trưởng HĐTNHN 9; Đội tuyển HSG Văn 9 (+2)
7	Nguyễn T.Ánh Kim	21/5/1981	CĐ SP Văn-Sử ĐH SP Ngữ văn	D5	3	C7, D5	D12								18	Đội tuyển HSG Lịch sử (+2)
8	Hoàng T.Mai Hương	08/02/1974	CĐ Văn-Sử ĐH Ngữ Văn	B3	3	B3, B9	D345								19,5	Nhóm trưởng HĐTNHN 7
9	Nguyễn T.Thu Giang	04/06/1975	CĐ SP Văn-Địa ĐH SP Ngữ Văn	A8	3	A78		A78							18,5	
10	Phạm Thị Hằng	29/11/1976	CĐ SP Văn Địa ĐH SP Ngữ Văn	B6	3	B6, C6		C246							19,5	
11	Đỗ Thị Hiên	23/1976	CĐ SP Văn - Địa ĐH SP Văn	B8	3	B8, C8		C358							19,5	
12	Nguyễn Thị Hải	19/9/1977	CĐ SP Văn Địa	B5	3	B5		B357 89					B5		19,5	

			ĐH SP Ngữ văn												
13	Bùi Thị Lâm Oanh	9/12/1998	ĐH SP Ngữ văn Thạc sỹ Văn	D8	3	A1, D8			D3478					19	Bí thư CĐ, Thi Viết thư UPU, thi KHKT
14	Nguyễn T.Hồng Toan	20/12/1978	CĐSP Văn-CD ĐHSP Ngữ văn Th.sĩ Ng.ngữ VN	A2	3	A2, D1			A2378				1	20	Tổ phó, Nhóm trưởng Văn 6; Đội tuyển HSG Văn 9 (+2)
15	Nguyễn Thị Phượng	19/7/1968	CĐSP Văn-Tiếng ĐHSP Ngữ Văn						K8 B79			D23		12	Nghỉ hưu từ T12/2024
16	Đỗ T.Thanh Hồng	8/8/1969	CĐVăn - Chính trị ĐH SP Ngữ Văn	A4	3	A4, C3			A1456					19	Đội tuyển HSG Văn 8
17	Vũ T. Bích Liên	30/1/1987	ĐHSP Ngữ Văn	A3	3	A3, D7			B2468					19	Nhóm trưởng GDCD, HĐTNHN 6; Đội tuyển HSG Văn 8; thi ATGT
18	Nguyễn Thị Hà	28/11/1986	CĐ Văn-Đ.Đội ĐH SP Ngữ văn	D3	3	B1, D3			B135					18	Nhóm trưởng Văn 9; Đội tuyển HSG Văn 7, 9

																(+2); thi KHKT
19	Nguyễn Ngân Hà	19/12/1988	ĐH SP Ngữ Văn	B2	3	B2, D6			D1256						19	Nhóm trưởng Văn 7; Đội tuyển HSG Văn 7; GDCD (+2)
20	Đào Thị Lan Anh	16/5/2002	ĐH SP Ngữ văn	A6	3	A6, B4							B1469		19	Nhóm trưởng GDĐP
21	Bùi Thị Hiền	28/08/1984	CĐ SP Nhạc-Sử ĐH SP Lịch sử				D678 B245 68			K6					20	
22	Nguyễn T.Bích Thảo	24/03/1982	CĐ Nhạc-Sử ĐH SP Âm nhạc				C123 468 A13			K8					20	
23	Nguyễn T.Diệu Ly	25/11/1982	CĐ SP Âm nhạc ĐH SP Âm nhạc							K79					17	Nhóm trưởng Âm nhạc; Đội tuyển Âm nhạc (+2); thi Sơn ca
24	Đoàn T.Như Hoàn	3/12/1984	ĐH SP Địa lý					B1357 D1235					D145 678		18	Nhóm trưởng Lịch sử & Địa lý; Đội tuyển HSG Địa lý (+2)
25	Nguyễn Phương Anh	25/9/1984	CĐ SP Họa-Địa ĐH Địa					D4678			K9		C24 68		18	Đội tuyển HSG Mĩ thuật (+2)

26	Hà Mai Hương	12/09/1983	CĐ SP Họa Địa ĐH SP Địa lý					C17 A124 56			K8				18,5	
27	Nguyễn Thị Liên	1/12/1986	CĐ SP Mỹ thuật ĐH SP Mỹ thuật								K67				17	Nhóm trưởng MT Trực ban (01)
28	Bùi Thị Ngân	24/4/1980	ĐH Tiếng Anh CC NVSP T.Anh	C7	1							C347, D35			20	
29	Trần T.Minh Loan	25/5/1968	ĐH SP Nga Văn ĐH SP Anh Văn													Nghỉ hưu từ T10 Trực ban: (04)
30	Phạm Thị Hồng	19/6/1990	ĐH SP Tiếng Anh . Th.S Anh									A123, D12			15	Nhóm trưởng Tiếng Anh; Đội tuyển HSG Tiếng anh 6, 9 (+2)
31	Đinh Thị Hương	10/7/1976	ĐH Tiếng Anh CC NVSP T.Anh									A4,5 B456,	A24 56		19	
32	Đỗ Phương Thảo	31/5/1994	ĐH SP Tiếng Anh									C128, D78			15	Đội tuyển HSG Tiếng Anh 8 Trực ban (01)
33	Nguyễn Thị Thu Thủy	23/8/1996	ĐH tiếng Anh									B189, C56,		3	18	Đội tuyển HSG Tiếng

																Anh 7 Con nhỏ
34	Nguyễn T.M Nguyệt	1/3/1978	CĐ SP Tiếng Anh ĐH SP Tiếng Anh									A678	A13 78		13	Trực ban (01); PT phòng TB các môn KHXH (+3)
35	Nguyễn T.Ngọc Oanh	4/10/1979	ĐH NN, Th.S Anh									B237, D46	B2378		19	Đội tuyển HSG Tiếng Anh 7
36	Đoàn Thị Tuyết	23/12/1988	CĐ SP Sử-CTác Đội ĐH Lịch sử		C2 (2)										2	TPT đội

5.2 Phân công chuyên môn tổ KHTN (Thực hiện từ: 06/09/2024)

STT	HỌ TÊN	Năm sinh	Trình độ ĐT	CN	HĐ TN HN	TOÁN	KHTN			CN	GD TC	Tin	Định mức trách nhiệm	Tổng	NV Khác
							LÝ	HÓA	SINH						
Tiết/ Tuần				4	3	4	k8=1.3 k9=1.5	k9=1.5	k9=1	k6,7=1 k8,9=1.5	2	1			
1	Nguyễn Huy Quý	29/8/1976	CĐ SP Toán-Lý; ĐH SP Toán; Th.S Toán học			A3								4	Phó Hiệu trưởng
2	Mai Văn Bình	14/04/1969	CĐ SP Toán-KTCN ĐH SP Toán	A1	3	A1, C1							3	18	Nhóm trưởng Toán 8; Đội tuyển: HSG Toán 8, Toán TA 8 (+2); Toán 6,

															Toán TA 6, Toán hội nhập
3	Vũ Thị Châm	7/2/1982	ĐH SP Toán Th.S LL&PP DH môn Toán	C8	3	C8	A15							19	
4	Đỗ Thị Thu Hương	7/4/1993	ĐH SP Toán Th.S LL&PP DH môn Toán	C5	3	C5	A3						3	18	Toán hội nhập, nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi
5	Nguyễn T.Kim Oanh	14/12/1971	CĐ SP Toán-Công nghệ ĐH SP Toán	A7	3	A7				A1234 567				18	
6	Phùng Thị Thủy	17/06/1976	CĐSP Toán-Lý ĐH SP Toán	D1	3	B2, D1					D1		1	18	Tổ phó, Đội tuyển: HSG Toán 9 (+2)
7	Nguyễn Duy Tân	5/4/1980	CĐ SP Toán-Lý ĐH SP Toán			A6, D3	D1346 C37						3	20	Phó CTCĐ;Đội tuyển HSG Toán 9D3, KHTN và KHTN - TA 9 (+2)
8	Nguyễn T.Thu Hoài	22/02/1981	CĐ SP Toán-Lý ĐH SP Toán	D4	3	D45	C135							19	Đội tuyển KHTN 8

9	Nguyễn Thùy Dương	16/11/1991	ĐH Toán - Lý Thạc sỹ Toán	D6	3	C2, D6	C246							19	Đội tuyển HSG Toán 8, Toán TA 8 (+2); thi KHKT
10	Vũ Thị Nhất	24/8/1991	ĐH SP Toán - Lý	B7	1	B78	D2578							19	
11	Nguyễn T.Thanh Nga	13/12/1977	CĐ SP Toán-Lý ĐH SP Toán; CNTT	B4	3	B4, D8				D12				18	Đội tuyển Công nghệ (+2)
12	Nguyễn Hoài Thu	07/08/1984	ĐH SP Toán	C4	3	A4, C4				C24				18	Nhóm trưởng Công nghệ, HĐTNHN 8; thi Sáng tạo TTN NĐ
13	Ngô Thị Lan	19/6/1978	ĐH Toán-Tin ƯD - CC NVSP	C3	3	C3, D2						D235		18	Nhóm trưởng Toán9D2; Đội tuyển: HSG Toán 9, Giải Toán bằng MTCT 8, 9 (+2)
14	Dương Diễm Hội	31/12/1983	ĐHc SP Toán Th.S SP Toán	A5	3	A5, C7					A56			19	
15	Văn Thị Nguyệt Hải	21/5/1978	ĐH SP Toán	B1	3	B1, C6					B13			19	Nhóm trưởng Toán 7; Đội tuyển: HSG Toán 7, Toán TA 7; Toán hội nhập
16	Phạm Thị Phượng	13/2/1987	CĐSP Lý - Hoá ĐHSP Vật lý												Nghỉ sinh

17	Đỗ Thị Trang	20/9/1978	CĐ SP Toán-Hóa ĐH SP Toán	D7	3	B5, D7	A4							19	
18	Nguyễn T.Ninh Chi	22/11/1987	CĐSP Sinh-Hóa ĐH SP Hóa học ĐH SP Toán	C6	3			D1346	D1346					19	Nhóm trưởng KHTN 8, 9; Đội tuyển KHTN 9, KHTN - TA 9 (+2)
19	Nguyễn T.Minh Phượng	19/7/1968	ĐHSP Toán Th.S Toán			A2, B3	A2						6	18	NT Toán 6; ĐT HSG Toán 7, Toán TA 7; Toán hội nhập; Thi KHKT; Khảo thí
20	Nguyễn Thị Thơ	20/12/1989	ĐH SP Hóa học				A8	D2578 C1357	C1357					21	Nhóm trưởng KHTN 6, 7; Đội tuyển KHTN 8(+2)
21	Nguyễn Thị Lý	2/6/1983	CĐSP Sinh -Hóa ĐHSP Hóa Th.S Hóa học				B23	C2468	C2468				3	21.5	Đội tuyển HSG KHTN 8 nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi
22	Hoàng Thị Nga	18/8/1979	CĐ TD-Sinh ĐH SP Sinh-KTNN				B1478		D2578				1	21	Tổ phó CM; BCH CĐ; Đội tuyển KHTN và KHTN - TA 9 (+2)
23	Hoàng Thị Hằng	1/11/1968	CĐ Toán-KTCN ĐH SP Toán		B7 (2)	A8				D345 678				15	Trực ban (01)

24	Nguyễn Việt Trung	15/6/1990	ĐH Toán			B6	B56						8	20	Khảo thí; PT Phòng TB
25	Lê Thị Khánh Chi	20/4/1984	ĐH SP Toán Th.S Toán ứng dụng	B9	3	B9	A67							19	
26	Ngô Xuân Trường	10/1/1982	ĐH SP Toán Th.S Toán học							K7 C135 678				18	
27	Đỗ Văn Phương	25/5/1982	CĐ SP Thể Dục-Sinh ĐH SP SP TDTT								A123 478 D468			18	Nhóm trưởng GDTC; Đội tuyển HSG TDTT (+2); Phụ trách thiết bị âm thanh
28	Bùi Văn Hùng	20/11/1981	CĐSP TD-Sinh; ĐH TDTC								B24689 D2357			18	Đội tuyển HSG TDTT (+2)
29	Nguyễn Minh Châu	17/1/1993	ĐH GDTC								K8 B57			20	Đội tuyển HSG TDTT (+2)
30	Nguyễn Thị Hằng	4/11/1981	CĐ Tin học CC NVSP ĐH CNTT									K6 D4678		12	Quản trị mạng, Phụ trách CSDL ngành;Thủ quỹ; CLB STEM Robotics
31	Đỗ Thị Lụa	3/11/1986	ĐH CNTT CC NVSP									K78 D1		18	Nhóm trưởng Tin học; Đội tuyển Tin học - Tin học trẻ(+2)

VI. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CỤ THỂ

1. Tăng cường nền nếp, kỷ cương, nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

- Với ban giám hiệu:

+ Tổ chức quán triệt, triển khai đầy đủ, kịp thời các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các cấp về nhiệm vụ của ngành, nhiệm vụ năm học… tới 100% CB, GV, NV (qua hệ thống văn bản, e-mail của từng tổ chuyên môn; nội dung các buổi sinh hoạt thường xuyên, định kỳ của HĐSP, tổ nhóm)… và PHHS (thông qua các buổi họp đầu năm, sơ kết kì 1, cuối năm).

+ Xây dựng kế hoạch, tổ chức các hoạt động theo Nghị quyết, chương trình đã đưa ra bám sát các yêu cầu, hướng dẫn của cấp trên về chương trình, kế hoạch giáo dục.

+ Thực hiện nghiêm túc công tác bồi dưỡng CBQL, GV về chính trị, tư tưởng, chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

+ Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ giáo dục đối với các thành viên trong nhà trường.

+ Tạo điều kiện cho CB, GV, NV được tham gia học tập bồi dưỡng, tập huấn do các cấp triển khai.

- Với tổ nhóm chuyên môn:

+ Triển khai thực hiện theo kế hoạch của nhà trường kịp thời, hiệu quả.

+ Lựa chọn các tiêu chí, nhiệm vụ để phân công cho từng thành viên thực hiện kế hoạch sao cho đúng người, đúng việc; tạo điều kiện để tất cả thành viên trong tổ đều có điều kiện tham gia, khẳng định năng lực bản thân.

+ Theo dõi tiến độ thực hiện; tự tổng hợp, tự đánh giá kết quả việc thực hiện đối với thành viên tổ mình.

+ Tham gia đóng góp ý kiến với tập thể nhà trường về kết quả thực hiện kế hoạch nhà trường của tổ/nhóm được phân công phụ trách.

2. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chất lượng thi vào lớp 10 THPT, THPT chuyên Trần Phú, chất lượng HSG, HS năng khiếu.

2.1 Chất lượng giáo dục toàn diện:

- Với Ban giám hiệu:

+ Chủ động xây dựng kế hoạch công tác chuyên môn, công tác chủ nhiệm, công tác Đoàn- Đội, tập trung phát triển năng lực học sinh thông qua thực hành kiến thức đã học vào thực tiễn trải nghiệm sáng tạo; chú trọng giáo dục đạo đức, giá trị sống, rèn luyện kĩ năng sống, hiểu biết xã hội cho học sinh;

+ Phê duyệt "Chương trình nhà trường" mang tính thực tiễn, phù hợp với điều kiện thực tế.

+ Chỉ đạo việc lựa chọn dạy học tự chọn phù hợp với điều kiện đơn vị, đảm bảo đánh giá kết quả đúng Quy chế của Bộ Giáo dục – đào tạo, hướng dẫn của Sở GD&ĐT.

+ Tăng cường kiểm tra, giám sát kết quả học của HS bằng nhiều hình thức

qua các buổi dự giờ, thăm lớp, các buổi ngoại khóa, sinh hoạt chuyên đề tập thể, chất lượng bài kiểm tra, chất lượng bộ môn…

+ Chỉ đạo tăng cường đổi mới hình thức, chất lượng trong công tác hoạt động Đoàn – Đội, hoạt động NGLL, tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, dạy kỹ năng sống; triển khai giảng dạy có hiệu quả các nội dung một số môn học địa phương; Lựa chọn và chỉ đạo tập trung các chuyên đề, HĐNGLL có nội dung tuyên truyền giáo dục pháp luật, phòng chống bạo lực học đường, phòng chống xâm hại trẻ em, giáo dục giới tính…

+ Đánh giá chất lượng học sinh, các hoạt động công bằng, khách quan. Thực hiện giáo dục học sinh khuyết tật, giúp các em hòa nhập.

- Với tổ/nhóm chuyên môn; tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; Đội TNTP Hồ Chí Minh:

+ Nghiêm túc thực hiện đổi mới phương phắp dạy học theo phát triển năng lực học sinh một cách linh hoạt, đảm bảo tính vừa sức, phù hợp với đối tượng học sinh, thời gian thực tế và điều kiện dạy học từng bộ môn; ứng dụng tốt CNTT vào các hoạt động chuyên môn để nâng cao chất lượng.

- Thực hiện các chuyên đề phát triển năng lực học sinh qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo một cách hiệu quả; tránh hình thức.

- Tăng cường đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, chú trọng việc nhận xét, động viên, góp ý học sinh trong quá trình học tập.

- Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá; thực hiện tốt các kỳ kiểm tra theo quy chế và phân phối chương trình.

2.2 Chất lượng thi vào lớp 10 THPT, THPT chuyên Trần Phú, HSG và HS năng khiếu

- Ban giám hiệu:

+ Xây dựng KH bồi dưỡng HSG, HS năng khiếu; KH ôn thi vào lớp 10 THPT; Tổ chức Hội thảo, chuyên đề về công tác bồi dưỡng HSG, HS năng khiếu và nâng cao chất lượng thi vào lớp 10 THPT. Giao chất lượng thi HSG, HS năng khiếu và thi vào lớp 10 THPT cho GV ngay từ đầu năm học, có theo dõi đánh giá theo HK.

+ Động viên, giao nhiệm vụ cho giáo viên có năng lực đảm nhận các đội tuyển HSG; HS năng khiếu, giảng dạy lớp 9; tạo điều kiện cho các giáo viên có điều kiện được khẳng định năng lực chuyên môn, đặc biệt trong công tác tập huấn HSG, HS năng khiếu, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ. Tăng cường động viên, khen thưởng đột xuất, khen thưởng theo KH.

+ Đối với GV có nhiều thành tích, chất lượng cao, có kết quả bứt phá trong công tác ôn thi vào lớp 10 THPT sẽ xem xét ưu tiên sắp xếp chuyên môn, lớp trong năm học tới. Tạo môi trường làm việc có tính mở, công bằng để giáo viên phát huy sáng tạo và nỗ lực học hỏi, phấn đấu.

+ Tích cực trong công tác xã hội hóa giáo dục, huy động mọi nguồn lực phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng HSG, HS năng khiếu theo đúng quy định.

- Với giáo viên:

+ Đổi mới phương pháp dạy học; chú trong dạy học theo các đối tượng HS để trang bị kiến thức, HD học sinh học tập, rèn kỹ năng cho HS.

+ Quan tâm phát hiện, lựa chọn, bồi dưỡng học sinh năng khiếu các môn, phát huy thế mạnh của từng bộ môn.

+ Phát hiện và động viên học sinh có năng khiếu tích cực tham gia các hoạt động phát triển năng khiếu học sinh về các lĩnh vực giáo dục... do cấp trên tổ chức.

+ Kết hợp chặt chẽ với PHHS để cùng phối kết hợp trong công tác giáo dục, đặc biệt là rèn luyện, tham gia các bộ môn là thế mạnh của học sinh; tư vấn PH và HS lựa chọn trường thi THPT sát với khả năng, góp phần nâng cao chất lượng thi vào 10 THPT.

3. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên:

- Với Ban giám hiệu:

+ Tổ chức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên được học tập các Nghị quyết của Đảng và Nhà nước về GD&ĐT.

+ Xây dựng kế hoạch Bồi dưỡng đội ngũ năm học 2024 -2025 và giai đoạn 2024 -2030;

+ Thực hiện nghiêm túc các quy định về hồ sơ sổ sách; chế độ quản lý theo quy định. Thực hiện chuyển đổi số trong quản lý, hội họp và thực hiện quy định chuyên môn.

+ Đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ; thực hiện nghiêm túc thông tư 09/2024 ngày 3/6/2024 của Bộ GD&ĐT về công khai hoạt động của các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.

+ Phân công rõ người, rõ việc; xây dựng các tiêu chí thi đua và đánh giá công bằng, minh bạch, khách quan.

+ Tiếp tục triển khai công tác bồi dưỡng thường xuyên theo quy chế BDTX giáo viên; tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên được tham gia học tập các lớp chính trị, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, học Đại học, Thạc sỹ, chuẩn chức danh nghề nghiệp, kiến thức Tin học, Ngoại ngữ...; góp phần nâng cao chất lượng quản lý của nhà trường.

+ Chú trọng bồi dưỡng năng lực cho cán bộ quản lý và giáo viên về công tác chỉ đạo, quản lý việc dạy học theo chuẩn kiến thức kỹ năng, đổi mới kiểm tra đánh giá, kỹ năng chủ nhiệm lớp; lồng ghép các giá trị sống, kĩ năng sống trong các tiết/bài dạy phù hợp; tích hợp giáo dục pháp luật, giáo dục bảo vệ môi trường, chủ quyền biển đảo, kĩ năng ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống xâm hại trẻ em; ứng xử văn hóa…

+ Tăng cường dự giờ thăm lớp, đặc biệt là dự giờ đột xuất đối với GV các tổ chuyên môn. Tăng cường trao đổi theo chuyên đề chuyên môn để học hỏi, chia sẻ giữa đọi ngũ GV. Tổ chức các chuyên đề, hội thi chuyên môn phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị.

+ Khuyến khích và giao rõ nhiệm vụ cho các tổ, nhóm tham gia đầy đủ các cuộc thi do Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT phát động.

+ Phối hợp cùng Công đoàn, Chi đoàn, Liên đội TNTP Hồ Chí Minh triển khai tích cực và hiệu quả việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo chỉ thị 05-CT/TW; thực hiện tốt nội dung các cuộc vận động "Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo", chú ý các quy định về đạo đức nhà giáo, coi trọng việc rèn luyện phẩm chất, lối sống lương tâm nghề nghiệp, ngăn ngừa và đấu tranh kiên quyết với các biểu hiện vi phạm pháp luật và đạo đức nhà giáo. Đẩy mạnh các phong trào thi đua bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng, phù hợp với điều kiệnnhà trường.

+ Xây dựng các quy tắc, quy chế, phân công nhiệm vụ, triển khai thực hiện, giám sát và sơ tổng kết quy chế dân chủ theo đúng quy trình quy định.

+ Nghiêm túc, công bằng, khách quan trong công tác đánh giá thi đua, gắn với chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của từng tổ/nhóm, cá nhân.

- Với tổ.nhóm chuyên môn:

+ Thực hiện nghiêm túc các quy định về hồ sơ sổ sách; chế độ chuyên môn theo quy định.

+ Nghiêm túc trong thực hiện kế hoạch của nhà trường, đảm bảo tiến độ, chất lượng công việc.

+ Sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn đảm bảo ít nhất 2 lần/tháng, trong đó tập trung vào các nội dung theo hướng nghiên cứu bài học, hướng đến phát triển năng lực và phẩm chất học sinh; thực hiện chương trình nhà trường, dạy học tích hợp liên môn. Chú ý đến khâu rút kinh nghiệm sau mỗi chuyên đề, dự giờ tổ nhóm để nhân rộng những mặt mạnh, khắc phục những hạn chế.

- Với cán bộ, giáo viên, nhân viên:

+ Xây dựng kế hoạch cá nhân cụ thể việc thực hiện đổi mới PPDH theo hướng phát triển năng lực; hoạt động trải nghiệm sáng tạo, lồng ghép, tích hợp… để làm cơ sở phấn đấu, thực hiện trong năm học.

+ Tăng cường áp dụng các phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực; đẩy mạnh giáo dục định hướng STEM và hoạt động trải nghiệm sáng tạo;

+ Có ý thức tự học, bồi dưỡng thường xuyên để nâng cao năng lực công tác chuyên môn, nâng cao chất lượng giáo dục bằng nhiều hình thức như tham gia thi GVG cấp trường, lên lớp chuyên đề; tích cực dự giờ đồng nghiệp, nghiêm túc trong sinh hoạt chuyên môn, học hỏi trường bạn; Xây dựng ngân hàng dữ diệu, kho học liệu số của nhà trường.

+ Quan tâm tới công tác tự học và bồi dưỡng thường xuyên nâng cao năng lực theo chuẩn Hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên... theo quy định mới.

+ Thực hiện chuyển đổi số trong giảng dạy ở các môn học; sử dụng triệt để, hiệu quả các đồ dùng dạy học truyền thống với học liệu số; khai thác có hiệu quả CSDL ngành GD ĐT (quản lý nhân sự, quản lý điểm, quản lý tài chính, quản lý thư viện, ngân hàng đề…)

4. Đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học; Nêu cao vai trò, trách nhiệm, lương tâm, đạo đức nhà giáo. Không có cán bộ, giáo viên vi phạm đạo đức nhà giáo, vi phạm quy định về dạy thêm, học thêm. Đảm bảo an ninh, an

toàn, chất lượng trường học.

* Đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học; nêu cao vai trò, trách nhiệm, lương tâm, đạo đức nhà giáo.

- Với Ban giám hiệu:

+ Nghiên cứu Thông tư 06/2019 ngày 12/4/2019 về Quy tắc ứng xử trong các cơ sở giáo dục Mầm Non, THCS, THPT và GDTX và các văn bản khác liên quan đến quy tắc ứng xử, đạo đức nhà giáo.

+ Xây dựng kế hoạch và triển khai các văn bản; phổ biến, tuyên truyền; giám sát, kiểm tra việc thực hiện nội dung thực hiện về cách ứng xử, đạo đức nhà giáo tại đơn vị.

+ Tăng cường phân cấp, phân quyền, giao quyền chủ động xây dựng kế hoạch cho người được phân công phụ trách; cho tổ, nhóm chuyên môn... phù hợp với thẩm quyền, năng lực; nhằm thực hiện hiệu quả công tác quản lý.

+ Nghiêm túc, gương mẫu trong thực hiện nhiệm vụ.

+ Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát các hoạt động quản lý, quản trị trong nhà trường.

-Với giáo viên, nhân viên:

+ Thực hiện nghiêm túc, linh hoạt, sáng tạo các chương trình, kế hoạch giáo dục nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc được giao.

+ Thực hiện các quy định về đạo đức nhà giáo, lương tâm nhà giáo; các quy tắc ứng xử của cán bộ, giáo viên, nhân viên đã xây dựng, thống nhất.

+ Thường xuyên học hỏi, trau dồi, bồi dưỡng tư tưởng, chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ.

+ Đóng góp ý kiến thẳng thắn, chân thành, đảm bảo tính đoàn kết, xây dựng tập thể.

+ Phối hợp với phụ huynh học sinh, các đồng nghiệp; tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường để cùng thực hiện nhiệm vụ giáo dục.

* Công tác quản lý dạy thêm, học thêm:

- Với ban giám hiệu:

+ Triển khai đầy đủ, kịp thời các văn bản quy định hướng dẫn về DT-HT, dạy TA có yếu tố Người nước ngoài... tới CB, GV, NV, PHHS và HS bằng nhiều hình thức phù hợp.

+ Hoàn thiện hệ thống hồ sơ sổ sách quản lý, xin cấp phép theo quy định.

+ Triển khai cho CB, GV thực hiện ký cam kết và các hồ sơ; hoàn thiện xây dựng kế hoạch DT-HT, TA có yếu tố Người nước ngoài trình cấp trên theo đúng quy định.

+ Nghiêm túc trong triển khai thực hiện và kiểm tra, giám sát việc DT- HT trong nhà trường.

+ Tích cực dự giờ các buổi dạy thêm, TA có yếu tố Người nước ngoài để nắm bắt về phương pháp dạy của giáo viên, tinh thần học tập của HS.

+ Sơ kết, tổng kết kết quả DT-HT, TA có yếu tố Người nước ngoài để kịp

thời phát huy những mặt tích cực, điều chỉnh những mặt tồn tại.

- Đối với CB, GV:

+ Thực hiện nghiêm túc các quy định; ký các loại cam kết về DT-HT.

+ Chịu trách nhiệm về chất lượng DT-HT do mình phụ trách.

+ Phối kết hợp với PHHS để quản lý thời gian, chất lượng HS…

* Đảm bảo an ninh, an toàn, chất lượng

- Với Ban giám hiệu:

+ Quán triệt các văn bản, hướng dẫn chỉ đạo của các cấp tới CB, GV, NV về công tác an ninh, an toàn, chất lượng trường học.

+ Cụ thể hóa công tác an ninh, an toàn trường học thành các nội quy, quy định, quy tắc, cam kết, tiêu chí… đảm bảo tính phù hợp thực tế đơn vị, vận dụng và thực hiện hiệu quả, khả thi.

+ Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; sơ kết, tổng kết kịp thời.

- Với CB, GV, NV:

+ Nghiêm túc thực hiện các quy định, đảm bảo an ninh, an toàn, chất lượng

+ Chủ động, nghiêm túc trong thực hiện nhiệm vụ; phối kết hợp với các cá nhân, tổ chức, đoàn thể.

+ Phát huy tính linh hoạt, sáng tạo của cá nhân trong xử lý các tình huống.

5. Tăng cường cơ sở vật chất xây dựng "trường tiên tiến chất lượng cao", phòng học thông minh, phòng học STEM; Đẩy mạnh chuyển đổi số trong dạy học và quản lý nhà trường.

- Với Ban giám hiệu:

+ Tiếp tục thực hiện nghiêm túc yêu cầu sử dụng cơ sở dữ liệu ngành; cổng thông tin điện tử thành phố và UBND quận Ngô Quyền.

+ Đề xuất, cân đối kinh phí để tiếp tục đầu tư CSVC đảm bảo phục vụ dạy học và quản lý theo hướng đổi mới, hiện đại, hội nhập.

+ Đẩy mạnh các hoạt động trao đổi công tác qua mạng Internet, Webside, cập nhật tin đảm bảo tiến độ, chất lượng

+ Thực hiện một số nội dung trong đề án "Trường tiên tiến chất lượng cao", phòng học số; Xây dựng Ngân hàng đề ôn luyện cho HS.

+ Tiếp tục phát động giáo viên tham gia xây dựng Học liệu số, kho tài nguyên dữ liệu dùng chung của nhà trường, ngành GD ĐT, bài giảng E-learning, tham gia các cuộc thi của ngành như Xây dựng thiết bị dạy học số.

- Với giáo viên, nhân viên:

+ Tích cực chuyển đổi số trong giảng dạy, SHCM; vận dụng và tham gia các cuộc thi bài giảng điện tử, các phần mềm giảng dạy, kho học liệu, ngân hàng đề… hiệu quả.

+ Duy trì thực hiện sinh hoạt nhóm chuyên môn trên CSDL, sử dụng các phần mềm quản lý tại đơn vị.

+ Tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn về CNTT, chuyển đổi số.

6. Công tác quản lý, chỉ đạo

6.1. Quản lý tài chính

** Ban giám hiệu:*

- Tiếp nhận và thực hiện nghiêm túc việc giao kế hoạch ngân sách hàng năm của UBND Quận, chủ động xây dựng kế hoạch thu, chi; thực hiện tốt việc tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng ngân sách tài chính theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ.

- Tổ chức cho CBGV học tập và thực hiện tốt Qui chế dân chủ trong nhà trường theo Quyết định 04/2000 của Bộ GD-ĐT. Xây dựng và thực hiện tốt Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường trên cơ sở đó thực hiện nghiêm túc việc công khai dân chủ, và đảm bảo nguyên tắc về quản lý tài chính.

- Thực hiện nghiêm túc nội dung công khai theo Thông tư 09/2024 ngày 3/6/2024 của Bộ GD&ĐT về công khai hoạt động của các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân. Thực hiện nghiêm túc việc công khai các nội dung liên quan đến việc thu chi các khoản đóng góp, các khoản đầu tư để học sinh, cha mẹ học sinh và nhân dân tham gia giám sát. Công khai chất lượng đào tạo, các điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, các khoản thu-chi tại phòng giáo viên và trên Website của trường.

- Tổ chức lấy ý kiến phụ huynh học sinh về các khoản đóng góp thoả thuận đảm bảo công khai, dân chủ.

- Thực hành tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách, góp phần thực hiện chủ trương kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế theo tinh thần Nghị Quyết số 10/2008/NQ-CP ngày 17/4/2008 của Chính phủ

** Kế toán, thủ quỹ*

- Thực hiện cập nhật các phần mềm quản lí tài chính phiên bản mới thực hiện báo cáo thường xuyên theo tháng, theo quý và năm tài chính.

- Thực hiện công tác tăng lương đúng thời hạn và trước thời hạn đối với CBGV-NV nhà trường.

- Thực hiện trả lương đúng thời hạn quy định (BC: 5-10/ tháng, HĐ: ngày 25/ tháng), đảm bảo thanh toán chế độ cho người lao động kịp thời, sổ bảo hiểm được bổ sung hàng năm cho người lao động, báo cáo về Hiệu trưởng trước ngày 4/tháng.

- Thực hiện việc báo cáo bảo đảm đúng thời gian và chính xác.

- Các loại quỹ thu về đều được gửi tại kho bạc.

- Triển khai các khoản thu -chi không dùng tiền mặt; thu – nộp các loại thuế theo quy định;

** Giáo viên:*

- Thực hiện nghiêm túc các khoản thu theo quy định *(có kí cam kết).*

- Quyết toán các khoản thu về nhà trường trước ngày 24 hàng tháng.

- GVCN chịu trách nhiệm hoàn toàn, tuyệt đối về các khoản thu của lớp. Không tự ý thu bất cứ khoản nào trái quy định; không lạm thu; minh bạch, công

khai trong thu, chi đối với phụ huynh học sinh.

6.2 Quản lí tài sản công

** Ban Giám hiệu:*

- Bàn giao cơ sở vật chất đầu năm, kiểm kê cuối học kì và cuối năm học cho các lớp, GVCN đảm bảo đủ điều kiện cho công tác giảng dạy, học tập.

- Kịp thời sửa chữa, bổ sung các trang thiết bị thiết yếu phục vụ tốt cho công tác giảng dạy của giáo viên.

- Quản lí , kiểm tra phần mềm, sổ quản lí tài sản, cập nhật mới kịp thời, thường xuyên

** Giáo viên:*

- Có trách nhiệm quản lí, giữ gìn tài sản lớp học được bàn giao.

- Thực hiện tốt việc quản lí tài sản của lớp học theo quy chế cơ quan.

** Bộ phận bảo vệ :*

- Quản lí bảo vệ tài sản nhà trường, mất phải bồi thường.

- Tham mưu với nhà trường trong công tác đảm bảo an toàn, an ninh.

- Tài sản của nhà trường khi ra cổng bảo vệ phải được sự cho phép của BGH.

- Hỗ trợ nhà trường những việc sửa chữa nhỏ khi cần.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với Hiệu trưởng

- Xây dựng kế hoạch chỉ đạo hoạt động giáo dục và điều hành chung mọi công việc.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức dạy các môn tự chọn, ký hợp đồng liên kết với các công ty trong việc giảng dạy Tiếng Anh tăng cường kỹ năng giao tiếp cho HS, kĩ năng sống.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ các hoạt động giáo dục.

- Tổ chức các hoạt động hội thi, hội giảng trong năm học.

- Xây dựng tiêu chí thi đua trong nhà trường;

- Ra các Quyết định thành lập tổ chuyên môn, bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó chuyên môn.

- Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học và các hoạt động giáo dục.

2. Đối với Phó Hiệu trưởng

- Quản lý chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, thư viện, thiết bị, quản lý các phần mềm liên quan đến các hoạt động giáo dục.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp; kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh nhận thức chậm và các hoạt động khác có liên quan đến giáo dục.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.

- Hàng tháng họp thống nhất các nội dung chuyên môn với các tổ.

- Duyệt tất các các hoạt động tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, các cuộc Hội thảo, chuyên đề cấp trường, cấp tổ tổ chức trong năm học.

3. Đối với Tổng phụ trách Đội

- Kết hợp với phó hiệu trưởng và các bộ phận xây dựng kế hoạch công tác Đội và phòng trào thiếu nhi, tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, HĐTNHN.

- Tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, HĐ TNHN trong phạm vi toàn trường;

- Thành lập các ban của Liên đội để thức đẩy mọi hoạt động của nhà trường.

- Xây dựng và giám sát, đánh giá các Chi đội theo tiêu chí thi đua của Liên đội.

4. Đối với nhân viên Thư viện, TBDH

- Quản lý các hoạt động của thư viện- Thư viện số; thiết bị dạy học- TB dạy học số.

- Xây dựng các kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của Thư viện, Thiết bị dạy học.

- Đánh giá hoạt động thư viện, có giải pháp tăng cường văn hoá đọc, tự học qua thư viện của HS; Gải pháp sử dụng TBDH truyền thống và TBDH số để tạo hứng thú học tập và nâng cao chất lượng dạy học; Xây dựng và tham gia cuộc thi Đại sứ văn hoá đọc, Thiết bại dạy học số.

5. Đối với giáo viên

- Chịu trách nhiệm chất lượng giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng.

- Thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn.

- Kết hợp với nhà trường, liên đội tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp trong và ngoài nhà trường.

- Tích cực tự học hỏi, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

- Tham gia đầy đủ có chất lượng các hoạt động SHCM các cấp.

6. Công tác phối hợp với các bên liên quan

- Nhà trường chủ động tham mưu chính quyền địa phương tạo mọi điều kiện tốt nhất để các hoạt động giáo dục của nhà trường đạt hiệu quả cao nhất.

- Phối hợp với ban đại diện CMHS, các doanh nghiệp đóng trên địa bàn, các tổ chức đoàn thể để tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh.

7. Công tác kiểm tra, giám sát.

- Việc giám sát đánh giá và điều chỉnh kế hoạch dạy học, giáo dục được thực hiện thường xuyên trong suốt năm học kết hợp với hoạt động tự đánh giá trong quản lý chất lượng Trường THCS.

- Hiệu trưởng thực hiện hoạt động giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục thường xuyên hàng ngày, hàng tuần thông qua công tác kiểm tra nội bộ.

- Mỗi giáo viên cần có thói quen tự kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch của mình để có điều chỉnh và phản ánh kịp thời với tổ chuyên môn, ban giám hiệu.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục của trường THCS Lạc Viên năm học 2024-2025, yêu cầu tổ chuyên môn, cán bộ, giáo viên, nhân viên cụ thể hóa bằng kế hoạch cá nhân và nghiêm túc thực hiện Kế hoạch này./.

Nơi nhận:
- Phòng GD&ĐT (để báo cáo);
- Các tổ chuyên môn, Vp (để th/h);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LẠC VIÊN

Đỗ Mai Hương